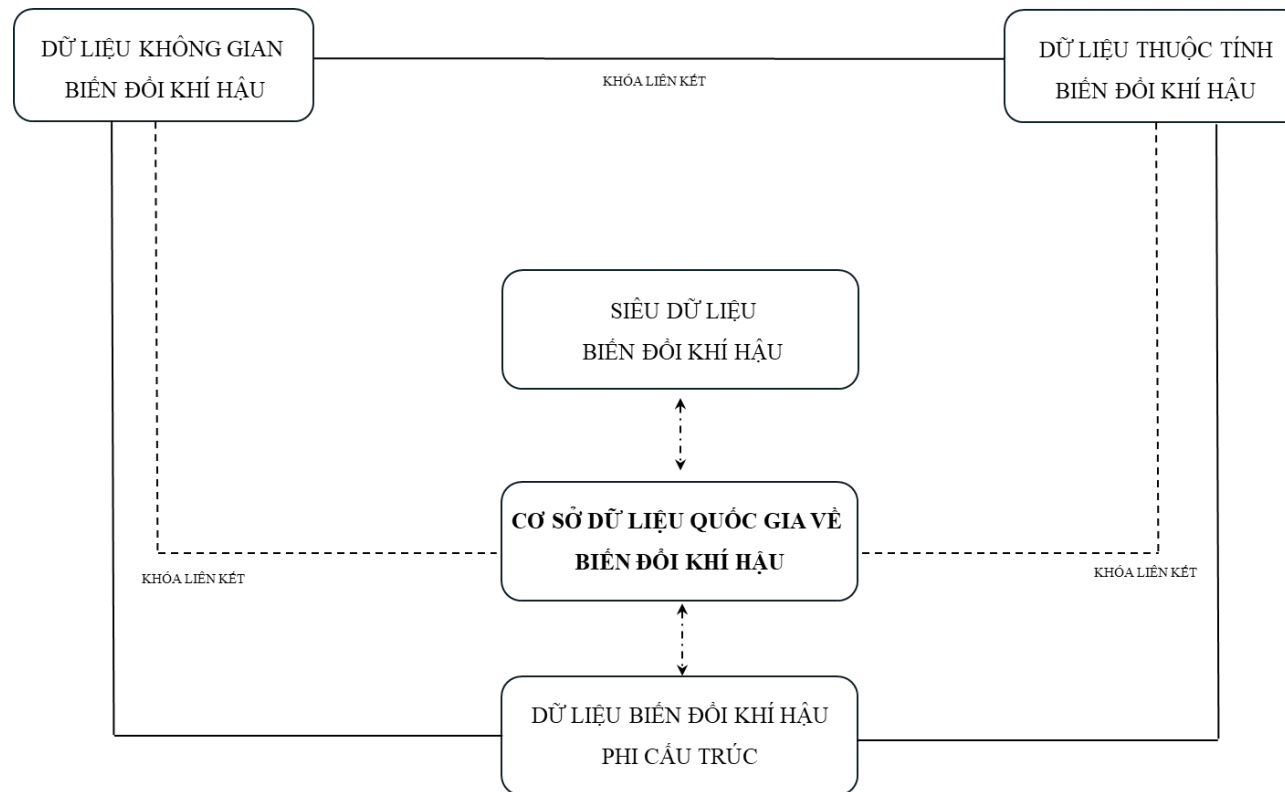
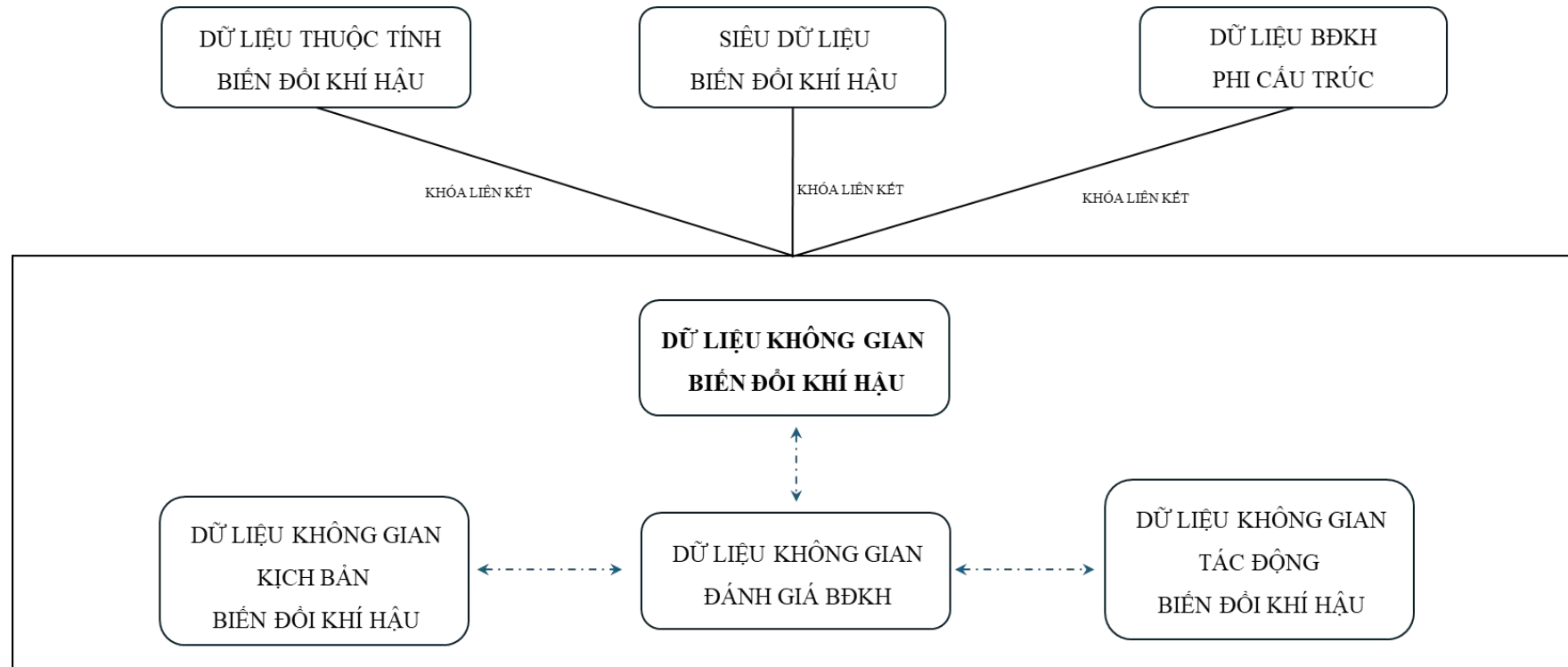


PHỤ LỤC 2**CẤU TRÚC CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

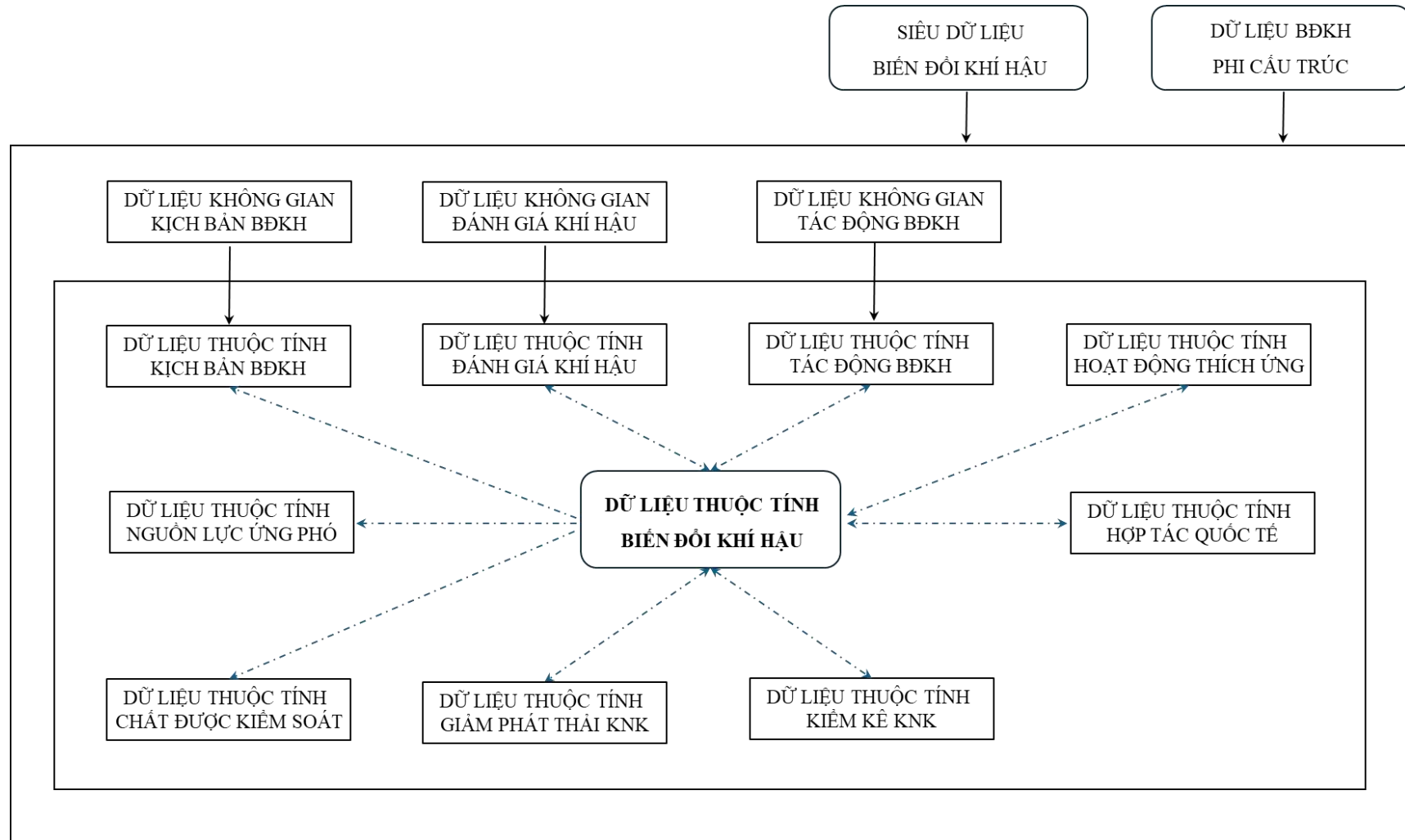
(kèm theo Thông tư số.../2025/TT-BNNMT ngày... tháng ... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. Mô hình cơ sở dữ liệu biến đổi khí hậu**1. Mô hình tổng quát thông tin dữ liệu về biến đổi khí hậu**

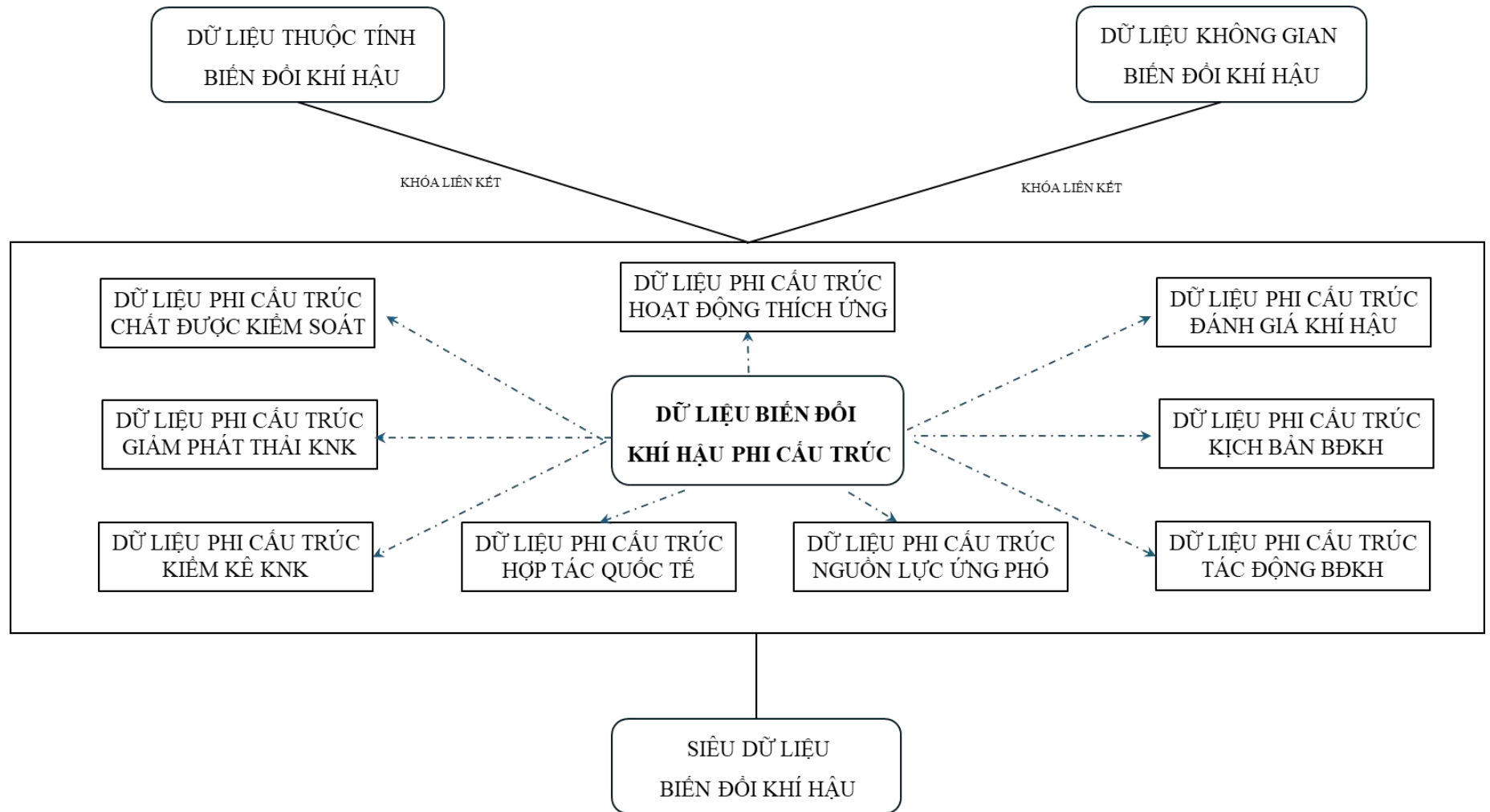
2. Mô hình dữ liệu không gian biến đổi khí hậu



3. Mô hình dữ liệu thuộc tính biến đổi khí hậu



4. Mô hình dữ liệu biến đổi khí hậu phi cấu trúc



II. Cấu trúc cơ sở dữ liệu BDKH

1. Dữ liệu danh mục, bảng mã

Mã	Giá trị
1.1. Khí nhà kính được kiểm kê	
Tên bảng dữ liệu: DM_KNKDUOCKIEMKE	
1	CO ₂
2	CH ₄
3	N ₂ O
4	HFCs
1.2. Bộ quản lý	
Tên bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY	
0	Quốc gia
1	Bộ Công thương
2	Bộ Xây dựng
3	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
1.3. Lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính	
Tên bảng dữ liệu: DM_LINHVUCKIEMKEKNK	
1	Năng lượng
2	Nông nghiệp
3	Sử dụng đất và lâm nghiệp
4	Quản lý chất thải
5	Các quá trình công nghiệp
1.4. Tiểu lĩnh vực kiểm kê khí nhà kính	
Tên bảng dữ liệu: DM_TIEULINHVUCKIEMKEKNK	
A	Năng lượng
1	Sản xuất điện và nhiệt điện
2	Lọc hóa dầu
3	Sản xuất nhiên liệu rắn
4	Chế biến khí
5	Ngành công nghiệp năng lượng khác
6	Sản xuất sắt thép
7	Sản xuất hóa chất, hóa dầu
8	Sản xuất giấy, bột giấy và in ấn
9	Sản xuất thực phẩm, đồ uống, thuốc lá
10	Sản xuất khoáng phi kim
11	Sản xuất thiết bị vận tải

Mã	Giá trị
12	Sản xuất thiết bị máy móc
13	Khai khoáng
14	Sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ
15	Dệt may và đồ da
16	Công nghiệp không xác định
17	Thương mại, dịch vụ
18	Dân dụng
19	Khai thác than hầm lò
20	Khai thác than lộ thiên
21	Khai thác dầu
22	Khai thác khí tự nhiên
B	<i>Quá trình công nghiệp</i>
23	Sản xuất Amoniac
24	Sản xuất axit Nitric
25	Sản xuất thép
26	Sử dụng chất chữa cháy
C	<i>Giao thông</i>
27	Giao thông hàng không
28	Giao thông đường bộ
29	Giao thông đường sắt
30	Giao thông đường thủy
D	<i>Xây dựng</i>
31	Sản xuất xi măng
32	Sản xuất vôi
33	Sản xuất thủy tinh
E	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất</i>
34	Tiêu hóa thức ăn
35	Quản lý chất thải vật nuôi
36	Đất trồng trọt
37	Đất cỏ
38	Đất ngập nước
39	Đất ở
40	Đất khác
41	Tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp
42	Tiêu thụ năng lượng trong lâm nghiệp

Mã	Giá trị
43	Tiêu thụ năng lượng trong thủy sản
44	Đốt sinh khối
45	Sử dụng vôi trong canh tác
46	Bón phân Ure
47	N ₂ O trực tiếp của đất
48	N ₂ O gián tiếp của đất
49	N ₂ O gián tiếp của quản lý chất thải vật nuôi
50	Canh tác lúa
G	<i>Quản lý chất thải</i>
51	Bãi chôn lấp chất thải rắn được quản lý
52	Bãi chôn lấp chất thải rắn không được quản lý
53	Bãi chôn lấp chất thải rắn không được phân loại
54	Xử lý chất thải rắn bằng phương pháp sinh học
55	Thiêu đốt chất thải
56	Đốt lộ thiên chất thải
57	Xử lý và xả thải nước thải sinh hoạt
58	Xử lý và xả thải nước thải công nghiệp
59	Nguồn khác (tự khai)
1.5. Nội dung ngành nghề kinh doanh	
Tên bảng dữ liệu: DM_NGANHNGHEKINHDOANH	
A	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản</i>
1	Trồng trọt và chăn nuôi
2	Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan
3	Khai thác, nuôi trồng thủy sản
B	<i>Khai khoáng</i>
4	Khai thác than cứng và than non
5	Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên
6	Khai thác quặng kim loại
7	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng
C	<i>Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>
10	Sản xuất thiết bị điện
11	Chế biến thực phẩm
12	Chế biến đồ uống
13	Sản xuất sản phẩm thuốc lá

Mã	Giá trị
14	Dệt
15	Sản xuất trang phục
16	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan
17	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa
18	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy
19	In, sao chép bản ghi các loại
20	Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế
21	Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất
22	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic
23	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác
24	Sản xuất kim loại
25	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)
26	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu
27	Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc, bán rơ moóc
28	Sản xuất phương tiện vận tải khác
29	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
30	Công nghiệp tái chế
31	Công nghiệp khác chưa được phân vào đâu
D	<i>Sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí</i>
32	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí
E	<i>Cấp nước, xử lý nước thải, rác thải</i>
33	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
34	Thoát nước và xử lý nước thải
35	Thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu
36	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
G	<i>Xây dựng</i>
37	Xây dựng nhà các loại
38	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
39	Hoạt động xây dựng chuyên dụng
40	Sản xuất vật liệu xây dựng
H	<i>Vận tải, kho bãi</i>
41	Vận tải đường sắt
41	Vận tải đường bộ
42	Vận tải đường thủy
43	Vận tải hàng không

Mã	Giá trị
44	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải
45	Bru chính và chuyển phát
I	<i>Y tế và trợ giúp xã hội</i>
46	Bệnh viện
47	Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung
48	Ngành kinh tế khác (tự khai)
1.6. Các biện pháp giảm nhẹ	
Tên bảng dữ liệu: DM_CACBIENPHAPGIAMNHE	
	<i>Sử dụng năng lượng</i>
1	E1. Sử dụng điều hòa nhiệt độ hiệu suất cao hộ gia đình
2	E2. Sử dụng tủ lạnh hiệu suất cao
3	E3. Sử dụng đèn thấp sáng tiết kiệm điện
4	E4. Sử dụng thiết bị đun nước nóng mặt trời
5	E5. Sử dụng khí sinh học thay than cho đun nấu gia đình ở nông thôn
6	E6. Sử dụng nhiên liệu sạch hơn cho đun nấu ở nông thôn
7	E7. Tối ưu hóa chu trình đốt clinke
8	E8. Giảm tổn thất nhiệt lò nung clinke
9	E9. Thu hồi nhiệt thải từ sản xuất xi măng
10	E10. Sử dụng máy nghiền đứng để nghiền phối liệu trong sản xuất xi măng
11	E11. Áp dụng công nghệ cải tiến trong sản xuất gạch nung
12	E12. Nung nóng sơ bộ thép phế liệu trước khi đưa vào lò điện hồ quang (EAF)
13	E13. Gia nhiệt trong máy cán thép
14	E14. Thu hồi nhiệt khí từ lò thổi Oxy (BOF)
15	E15. Phun than antracit bột phun vào lò cao
16	E16. Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các phân ngành công nghiệp (trừ 03 phân ngành sản xuất gạch, xi măng và sắt thép)
17	E17. Giới hạn mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe cơ giới sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới
18	E18. Chuyển đổi phương thức vận tải hành khách từ sử dụng phương tiện cá nhân sang sử dụng phương tiện giao thông công cộng
19	E19. Chuyển đổi phương thức vận tải từ đường bộ sang đường sắt
20	E20. Chuyển đổi phương thức vận tải từ đường bộ sang đường thủy nội địa và đường ven biển
21	E21. Sử dụng xe buýt CNG
22	E22. Tăng hệ số tải của ô tô tải
23	E23. Sử dụng nhiên liệu sinh học

Mã	Giá trị
24	E24. Sử dụng xe ô tô điện
25	E25. Sử dụng xe máy điện
26	E26. Sử dụng xe buýt điện
27	E27. Sử dụng các thiết bị điện hiệu suất cao trong dịch vụ, thương mại bao gồm làm mát và làm lạnh
	<i>Về phía cung cấp năng lượng</i>
28	E28. Phát triển thủy điện nhỏ
29	E29. Phát triển điện mặt trời tập trung
30	E30. Phát triển điện mặt trời mái nhà
31	E31. Phát triển điện gió trên bờ
32	E32. Phát triển điện gió ngoài khơi
33	E33. Phát triển nhiệt điện sinh khối
34	E34. Phát triển điện rác - thiêu đốt
35	E35. Phát triển điện rác - chôn lấp
36	E36. Phát triển điện khí sinh học
37	E37. Phát triển tua-bin khí hỗn hợp sử dụng LNG
38	E38. Phát triển công nghệ nhiệt điện trên siêu tới hạn
	<i>Nông nghiệp</i>
39	A1. Tưới khô ướt xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT đầy đủ
40	A2. Rút nước giữa vụ
41	A3. Chuyển Lúa thành Lúa – tôm
42	A4. Chuyển đất lúa thành đất cây trồng cạn
43	A5. Quản lý cây trồng tổng hợp cho lúa
44	A6. Quản lý cây trồng tổng hợp cho cây trồng cạn
45	A7.1s. Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho bò sữa
46	A7.2s. Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho bò thịt
47	A7.3s. Cải thiện chất lượng khẩu phần ăn cho trâu
48	A8s. Tái sử dụng phế phẩm nông nghiệp
49	A9s. Thay thế phân UREA bằng phân đạm a môn, chậm tan, tan có điều khiển
50	A10.1s. Tưới khô ướt xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT trung bình
51	A10.2s. Tưới khô ướt xen kẽ và SRI ở những vùng có CSHT kém
52	A11s. Tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân cho cà phê
53	A12s. Tái sử dụng chất thải chăn nuôi làm phân bón hữu cơ
54	A13s. Chương trình khí sinh học
55	A14s. Bón phân hữu cơ và thực hành nông nghiệp hữu cơ

Mã	Giá trị
	<i>Lĩnh vực LULUCF</i>
56	F1. Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi
57	F2. Bảo vệ rừng phòng hộ và đặc dụng ven biển
58	F3. Phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng
59	F4. Nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo
60	F5. Nâng cao năng suất và trữ lượng các-bon của rừng trồng gỗ lớn
61	F6. Nhân rộng các mô hình NLKH để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất
62	F7. Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng
	<i>Lĩnh vực Chất thải</i>
63	W1. Giảm phát sinh CTR
64	W2. Tái chế CTR
65	W3. Sản xuất phân compost
66	W4. Giảm phát thải mê-tan từ bãi chôn lấp bằng cách đốt phát điện
67	W5. Sản xuất RDF
68	W7. Giảm phát thải mê-tan bằng thu hồi khí từ bãi chôn lấp
69	W1s. Xử lý kỵ khí có thu hồi mê-tan cho phát điện
70	W3s. Sản xuất phân compost
71	W4s. Giảm phát thải mê-tan từ bãi chôn lấp bằng cách đốt phát điện
72	W6s. Chôn lấp bán hiếu khí
73	W7s. Giảm phát thải mê-tan bằng thu hồi khí từ bãi chôn lấp
74	W8s. Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải sinh hoạt
75	W9s. Ứng dụng công nghệ sinh học để loại bỏ CH ₄ từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt
76	W10s. Tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải công nghiệp
77	W11s. Thu hồi khí CH ₄ từ xử lý nước thải công nghiệp
	<i>Lĩnh vực các quá trình công nghiệp</i>
78	I1. Sử dụng phụ gia khoáng thiên nhiên thay thế clinker (đá vôi, Pozolan)
79	I2. Sử dụng phụ gia là phế thải từ các ngành công nghiệp thay thế clinker (xi lò thổi, tro bay)
80	I3. Áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải N ₂ O và NH ₃ trong sản xuất hóa chất và phân bón
81	I4s. Áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải trong ngành thép (cải tiến công nghệ BOF)
82	I5s. Sử dụng môi chất lạnh thân thiện với khí hậu (chuyển đổi HFC có GWP thấp trong lĩnh vực lạnh và ĐHKK, tăng cường thu hồi tái chế, tái sử dụng môi chất lạnh)
1.7. Thời kỳ đánh giá BDKH	

Mã	Giá trị
Tên bảng dữ liệu: DM_THOIKYBDKH	
1	Thời kỳ đầu thế kỷ (2030-2035)
2	Thời kỳ giữa thế kỷ (2035-2065)
3	Thời kỳ cuối thế kỷ (2065-2100)
1.8 Các vùng kinh tế	
Tên bảng dữ liệu: DM_VUNGKINHTE	
1	Trung du và Miền núi phía Bắc
2	Đồng bằng sông Hồng
3	Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung
4	Tây Nguyên
5	Đông Nam bộ
6	Đồng bằng sông Cửu Long
1.9. Nội dung về mùa	
Tên bảng dữ liệu: DM_MUA	
0	Cả năm
1	Mùa Xuân
2	Mùa Hạ
3	Mùa Thu
4	Mùa Đông
5	Mùa Mưa
6	Mùa Khô
1.10. Vùng khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_VUNGKHIHAU	
0	Toàn quốc
1	Tây Bắc
2	Đông Bắc
3	Đồng bằng Bắc Bộ
4	Bắc Trung Bộ
5	Nam Trung Bộ
6	Tây nguyên
1.11. Kịch bản biến đổi khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_LOAIKICHBANBDKH	
1	Kịch bản RCP2.6
2	Kịch bản RCP4.5
3	Kịch bản RCP6.0

Mã	Giá trị
4	Kịch bản RCP8.5
1.12. Nội dung về giai đoạn đánh giá kịch bản biến đổi khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_GIADOANDANHGIAKICHBANBDKH	
1	Đầu thế kỷ 21
2	Giữa thế kỷ 21
3	Cuối thế kỷ 21
4	2046 - 2065
5	2080 - 2099
1.13. Khu vực ven biển và hải đảo	
Tên bảng dữ liệu: DM_KHUVUCVENBIENHAIDAO	
0	Biển Đông
1	Móng Cái – Hòn Dấu
2	Hòn Dấu – Đèo Ngang
3	Đèo Ngang – Đèo Hải Vân
4	Đèo Hải Vân – Mũi Đại Lãnh
5	Mũi Đại Lãnh – Mũi Kê Gà
6	Mũi Kê Gà – Mũi Cà Mau
7	Mũi Cà Mau – Kiên Giang
8	Quần đảo Hoàng Sa
9	Quần đảo Trường Sa
1.14. Mực nước biển dâng	
Tên bảng dữ liệu: DM_MUCNUOCNIENDANG	
0	0
1	10cm
2	20cm
3	30cm
4	40cm
5	50cm
6	60cm
7	70cm
8	80cm
9	90cm
10	100cm
1.15. Thời tiết khí hậu cực đoan	
Tên bảng dữ liệu: DM_THOITIETKHIHAUCUCDOAN	

Mã	Giá trị
1	Bão, áp thấp nhiệt đới
2	Nước biển dâng
3	Mưa cực đoan
4	Lũ quét và sạt lở
5	Nhiệt độ cực trị
6	Hạn hán
7	Nắng nóng

1.16. Các tài nguyên trong hệ thống tự nhiên chịu tác động của biến đổi khí hậu

Tên bảng dữ liệu: DM_PHANLOAITAINGUYEN

1	Tài nguyên nước
2	Tài nguyên đất
3	Tài nguyên rừng
4	Tài nguyên khoáng sản
5	Tài nguyên biển và hải đảo
6	Đa dạng sinh học

1.17. Các ngành/lĩnh vực trong hệ thống kinh tế và hệ thống xã hội chịu tác động của biến đổi khí hậu

Tên bảng dữ liệu: DM_PHANLOAILINHVUCKTXH

A	Hệ thống kinh tế
1	Nông nghiệp
2	Lâm nghiệp
3	Công nghiệp
4	Xây dựng và Đô thị
5	Giao thông vận tải
6	Năng lượng
7	Du lịch
8	Thông tin và Truyền thông
9	Thương mại và dịch vụ
B	Hệ thống xã hội
10	Phân bố dân cư
11	Dịch vụ y tế
12	Nhà ở và điều kiện sống
13	Sức khỏe
14	Văn hóa
15	Giáo dục

Mã	Giá trị
16	Đối tượng dễ bị tổn thương
17	Giới và giảm nghèo
1.18. Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu	
Tên bảng dữ liệu: DM_LVHOATDONGTHICHUNG	
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
2	Môi trường và đa dạng sinh học
3	Tài nguyên nước
4	Giao thông vận tải
5	Xây dựng và đô thị
6	Công nghiệp, thương mại và dịch vụ
7	Y tế và sức khỏe cộng đồng
8	Lao động, xã hội
9	Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10	Quan trắc khí tượng thủy văn; giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn
11	Quản lý rủi ro thiên tai
1.19. Loại hình sản xuất kinh doanh chất làm suy giảm tầng ôzôn (ODS)	
Tên bảng dữ liệu: DM_LOAIHINHSXKDODS	
1	Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát
2	Tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát
3	Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát
4	Tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát
1.20. Danh mục loại chất được kiểm soát	
Tên bảng dữ liệu: DM_LOAICHATKIEMSOAT	
1	Các chất cấm sản xuất, cấm nhập khẩu và tiêu thụ
2	Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát
3	Các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát
1.21. Danh mục tài liệu khác về BĐKH	
Tên bảng dữ liệu: DM_TaiLieuBĐKH	
9	Hướng dẫn kỹ thuật về thích ứng biến đổi khí hậu
10	Báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu
11	Báo cáo thích ứng quốc gia về biến đổi khí hậu được xây dựng theo định kỳ gửi Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
12	Báo cáo tình hình ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý

Mã	Giá trị
	của bộ ngành và địa phương
14	Bản đồ phân vùng rủi ro do biến đổi khí hậu đối với hệ sinh thái tự nhiên
15	Bản tin dự báo khí tượng thủy văn và thời tiết; dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan
16	Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước, chi tiết đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao
17	Báo cáo thống kê theo định kỳ về tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu.
18	Chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu
19	Sáng chế, giải pháp hữu ích phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu
20	Điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu
21	Chương trình, dự án hợp tác quốc tế về thích ứng với biến đổi khí hậu
22	Báo cáo lượng tiêu thụ các chất được kiểm soát theo yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng o-zone
23	Hồ sơ đăng ký sử dụng chất được kiểm soát
24	Hồ sơ trình phê duyệt phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát
25	Báo cáo tình hình sử dụng chất được kiểm soát
26	Hồ sơ, tài liệu cấp thư xác nhận và thư phê duyệt dự án cơ chế phát triển sạch (CDM)
27	Tài liệu kịch bản biến đổi khí hậu
28	Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực
29	Báo cáo tổng hợp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia
30	Báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở
31	Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở
32	Báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp cơ sở
33	Ảnh viễn thám
34	Biểu đồ các loại
35	Các loại bản đồ khác
36	Các loại tài liệu khác

1.22. Danh mục về siêu dữ liệu

Tên bảng dữ liệu: DM_SieuDuLieu

LM01	Loại dữ liệu phát thải khí nhà kính và hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính
LM02	Loại dữ liệu hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
LM03	Loại dữ liệu kịch bản biến đổi khí hậu
LM04	Loại dữ liệu kết quả đánh giá khí hậu quốc gia

Mã	Giá trị
LM05	Loại dữ liệu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội
LM06	Loại dữ liệu hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu
LM07	Loại dữ liệu bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn
LM08	Loại dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật và quy trình chuyên môn, định mức kinh tế - kỹ thuật về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn
LM09	Loại dữ liệu nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn
LM10	Loại dữ liệu nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn
LM11	Loại dữ liệu hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn
LM12	Loại dữ liệu phi cấu trúc
LM13	Loại dữ liệu khác
KM01	Kiểu dữ liệu không gian BĐKH
KM02	Kiểu dữ liệu thuộc tính BĐKH
KM03	Kiểu dữ liệu phi cấu trúc BĐKH
KM04	Kiểu dữ liệu mô tả
DV01	Đơn vị xây dựng siêu dữ liệu
DV02	Đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu
DV03	Đơn vị kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu
DV04	Đơn vị giám sát xây dựng cơ sở dữ liệu
DV05	Đơn vị lưu trữ cơ sở dữ liệu
DV06	Đơn vị trao đổi, chia sẻ dữ liệu
DV07	Đơn vị vận hành cơ sở dữ liệu
DV08	Đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu

2. Dữ liệu không gian

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
2.1. Nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, hoạt động kinh tế - xã hội					
2.1.1. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNGMUCDOTACDONGTAINGUYENDAT					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGTND_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên đất
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên đất
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực	THOITIETKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
đoạn					
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.2. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNGMUCDOTACDONGTAINGUYENNUOC					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGTNN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên nước
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên nước
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
chính cấp Xã					cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIETKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.3. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên khoáng sản					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNGMUCDOTACDONGTAINGUYENKHOANGSAN					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGTNKS_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên khoáng sản
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên khoáng sản
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
tế					
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên khoáng sản
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.4. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên rừng					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGTAINGUYENRUNG					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGTNRUNG_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên rừng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên rừng
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIE TKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên rừng
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.5. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên biển và hải đảo					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGTAINGUYENBIENHAIDAO					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	VUNGTACDONGTNBHD_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên biển và hải đảo
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến tài nguyên rừng
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIETKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế				Liên kết đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên biển và hải đảo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	- xã hội				
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.6. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGDADANGSINH HOC					
Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGDADANGSINH HOC_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến đa dạng sinh học
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến đa dạng sinh học
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchihaanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchihaanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết	THOITIE TKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
và hiện tượng khí hậu cực đoan					gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.7. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến nông nghiệp					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGNONGNHIEP					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGNONGNHIEP_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực nông nghiệp
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực nông nghiệp
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chỉ tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực nông nghiệp
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.8. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến lâm nghiệp					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONG LAMNGHIEP					
Mã đối tượng	VUNGTACDONG LAMNGHIEP_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực lâm nghiệp
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực lâm nghiệp
Phạm vi đánh	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
giá tác động					tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực lâm nghiệp
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.9. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến công nghiệp					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNGMUCDOTACDONGCONGNHIEP					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGCONGNHIEP_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực công nghiệp
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực công nghiệp
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIETKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực công nghiệp
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
2.1.10. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến xây dựng và đô thị					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNGMUCDOTACDONGXDVADOTHI					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGXDDT_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực xây dựng và đô thị
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực xây dựng và đô thị
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIETKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực xây dựng và đô thị

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.11. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến giao thông vận tải					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGGTVT					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGGTVT_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực giao thông vận tải
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực giao thông vận tải
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng	THOITIETKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
khí hậu cực đoan					
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực giao thông vận tải
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.12. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến du lịch					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGDULICH					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGDULICH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực du lịch
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực du lịch
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchihaanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực du lịch
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.13. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến thông tin và truyền thông					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGTTTT					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGTTTT_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực thông tin và truyền thông
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực thông tin và truyền thông
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực thông tin và truyền thông
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.1.14. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến thương mại và dịch vụ

Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGTMDV

Mã đối tượng	VUNGTACDONGTMDV_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực thương mại và dịch vụ
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến lĩnh vực thương mại và dịch vụ
Phạm vi đánh	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
giá tác động					tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIE TKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực thương mại và dịch vụ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.15. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến phân bố dân cư					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGDANCU					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGDANCU_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến phân bố dân cư

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến phân bố dân cư
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIETKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến phân bố dân cư
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.16. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến dịch vụ y tế					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNGMUCDOTACDONGYTE					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	VUNGTACDONGYTE_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến dịch vụ y tế
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến dịch vụ y tế
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến dịch vụ y tế

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.17. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến nhà ở và điều kiện sống					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGDKSONG					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGDKSONG_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến nhà ở và điều kiện sống
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến nhà ở và điều kiện sống
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				đổi khí hậu đến nhà ở và điều kiện sống
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.18. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến sức khỏe					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGSUCKHOE					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGSUCKHOE_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến sức khỏe
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến sức khỏe
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchihaanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchihaanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết	THOITIETKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
và hiện tượng khí hậu cực đoan					gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.1.19. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến văn hóa

Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGVANHOA

Mã đối tượng	VUNGTACDONGVANHOA_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến văn hóa
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến văn hóa
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
chính cấp Xã					cục Thống kê https://danhmuchihaanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến văn hóa
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.1.20. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến giáo dục

Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGGIAODUC

Mã đối tượng	VUNGTACDONGGIAODUC_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến giáo dục
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến giáo dục
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến giáo dục
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.21. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến đối tượng dễ bị tổn thương					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGDTDTT					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGDTDTT_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng dễ bị tổn thương
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng dễ bị tổn thương

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchanhchinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chi tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến đối tượng dễ bị tổn thương
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.1.22. Lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến giới và giảm nghèo					
Tên lớp dữ liệu: BDPHANVUNG MUCDOTACDONGGIOIVAGIAMNGHEO					
Mã đối tượng	VUNGTACDONGGIOIVAGIAMNGHEO_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin đánh giá tác động của BĐKH

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					đến giới và giảm nghèo
Thời gian đánh giá	GIAIDOANDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tác động của BĐKH đến giới và giảm nghèo
Phạm vi đánh giá tác động	PHAMVIDANHGIATACDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả không gian đánh giá tác động của BĐKH đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Thuộc vùng kinh tế	DM_VUNGKT	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Các vùng kinh tế”
Đơn vị hành chính cấp Tỉnh	DM_CAPTINH	Số nguyên	INT	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị hành chính cấp Xã	DM_XA	Số nguyên	INT	5	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	THOITIEKHIHAUCUCDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BĐKH
Mức độ tác động	Chỉ tiết tại nhóm dữ liệu thuộc tính về Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội				Liên kết đến đến nhóm dữ liệu Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến giới và giảm nghèo
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.2. Nhóm dữ liệu Phát thải khí nhà kính và hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính					
2.2.1. Lớp dữ liệu Điểm phát thải khí nhà kính					
Tên lớp dữ liệu: BDDIEMPHATTHAIKNK					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	VUNGTACDONGTND_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã cơ sở	MACOSO	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã cơ sở
Mã điểm PT	MADIEMPT	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã địa điểm PT KNK
Tên điểm PT	TENDIEMPT	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên địa điểm PT KNK
Địa chỉ	DIACHI	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa chỉ của cơ sở
Thông tin chi tiết	TTCHITIET	Chuỗi ký tự	CHAR		Thông tin chi tiết
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Point		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3. Nhóm dữ liệu Kịch bản biến đổi khí hậu

2.3.1. Lớp dữ liệu Tỉnh

Tên lớp dữ liệu: BDTINH

Kiểu dữ liệu không gian: dữ liệu dạng vùng (GM_Polygon)

Mã đối tượng	BDTINH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Tên tỉnh	TENTINH	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên tỉnh
Liên kết dữ liệu	URL				Liên kết đến dữ liệu yếu tố khí hậu quá khứ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.2. Lớp dữ liệu Vùng khí hậu

Tên lớp dữ liệu: BDVUNGKHIHAU

Mã đối tượng	BDVUNGKHIHAU_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên vùng	VUNGKHIHAU	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên vùng
Liên kết dữ liệu	URL				Liên kết đến dữ liệu yếu tố khí hậu quá khứ
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.3. Lớp dữ liệu Xu thế biến đổi mực nước biển					
Tên lớp dữ liệu: BDXUTHEBIENDOIMUCNUOCBIEN					
Mã đối tượng	BDXUTHEBIENDOIMUCNUOBIEN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Biến đổi mực nước biển	MUCTHAYDOI	Số nguyên	INT		Mức thay đổi
Dữ liệu đồ họa	geo	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.4. Lớp dữ liệu Xu thế biến đổi độ cao sóng biển					
Tên lớp dữ liệu: BDXUTHEBIENDOIDOCAOSONGBIEN					
Mã đối tượng	BDXUTHEBIENDOIDOCAOSONGBIEN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Biến đổi độ cao sóng biển	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Biến đổi độ cao sóng biển
Dữ liệu đồ họa	geo	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.5. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi nhiệt độ trung bình					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOINHIEOTDOTBNAM					
M đối tượng	BDKBBIENDOINHIEOTDOTBNAM_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Số thực	REAL	4	Mã vùng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mùa	MUA	Số thực	REAL		Mùa
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.6. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi nhiệt độ tối cao

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOINHIETDOMAX

Mã đối tượng	BDKBBIENDOINHIETDOMAX_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.7. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi nhiệt độ tối thấp

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOINHIETDOMIN

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	BDKBBIENDONHIETDOMIN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.8. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày rét đậm

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOISONGAYRETDAM

Mã đối tượng	BDKBBIENDOISONGAYRETDAM_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.9. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày rét hại

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOISONGAYRETHAI					
Mã đối tượng	BDKBBIENDOISONGAYRETHAI ID	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR		Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.10. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày nắng nóng					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOISONGAYNANGNONG					
Mã đối tượng	BDKBBIENDOISONGAYNANGNONG_ID	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR		Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.11. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày nắng nóng gay gắt					
Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOISONGAYNANGNONGGG					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	BDKBBIENDOISONGAYNANGNONGGG_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.12. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi số ngày hạn hán

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOISONGAYHANHAN

Mã đối tượng	BDKBBIENDOISONGAYHANHAN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.13. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi lượng mưa

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOILUONGMUA

Mã đối tượng	BDKBBIENDOILUONGMUA_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.14. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi lượng mưa một ngày lớn nhất

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOILUONGMUA1NGAYMAX

Mã đối tượng	BDKBBIENDOILUONGMUA1NGAYMAX_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.15. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi lượng mưa năm ngày lớn nhất

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOILUONGMUA5NGAYMAX

Mã đối tượng	BDKBBIENDOILUONGMUA5NGAYMAX_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
giá					
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.16. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi bão và áp thấp nhiệt đới

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOIBAOWAAPTAP

Mã đối tượng	BDKBBIENDOIBAOWAAPTAP_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_ Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

2.3.17. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản biến đổi gió mùa hè

Tên lớp dữ liệu: BDKBBIENDOIGIOMUAHE

Mã đối tượng	BDKBBIENDOIGIOMUAHE_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã vùng	MAVUNG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã vùng
Kịch bản	KICHBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Kịch bản
Giai đoạn đánh	GIAIDOAN	Số thực	REAL		Giai đoạn đánh giá

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
giá					
Mức biến đổi	MUCTHAYDOI	Số thực	REAL		Mức biến đổi
Khoảng biến đổi	KHOANGBIENDOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Khoảng biến đổi
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.18. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản nước biển dâng toàn Biển Đông					
Tên lớp dữ liệu: BDKBNUOCBIENDANGBIENDONG					
Mã đối tượng	BDKBNUOCBIENDANGBIENDONG_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mức nước biển dâng	MUCNUOCBIENDANG	Số thực	REAL		Mức nước biển dâng
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.19. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản nước biển dâng khu vực ven biển và hải đảo					
Tên lớp dữ liệu: BDKBNUOCBIENDANGVENBIEN					
Mã đối tượng	BDKBNUOCBIENDANGVENBIEN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mức nước biển dâng	MUCNUOCBIENDANG	Số thực	REAL		Mức nước biển dâng
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.20. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản độ cao sóng biển					
Tên lớp dữ liệu: BDKBDOCAOSONGBIEN					
Mã đối tượng	BDKBDOCAOSONGBIEN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Độ cao sóng	DOCAOSONGBIEN	Số thực	REAL		Độ cao sóng biển

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
biển					
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng
2.3.21. Lớp dữ liệu Bản đồ kịch bản nguy cơ ngập lụt ứng tới mực nước biển dâng					
Tên lớp dữ liệu: BDKBNGUYCONGAPDONUOCBIENDANG					
Mã đối tượng	BDKBNGUYCONGAPDONUOCBIENDANG_ID	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động khi tạo đối tượng đồ họa.
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Mực nước biển dâng	MUCNUOCBIENDANG	Số thực	REAL		Mực nước biển dâng
Dữ liệu đồ họa	GEO	Dữ liệu dạng vùng	GM_Polygon		Là dữ liệu đồ họa của đối tượng

3. Dữ liệu thuộc tính

3.1. Nhóm dữ liệu Phát thải khí nhà kính và hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính					
3.1.1. Dữ liệu Kết quả kiểm kê khí nhà kính quốc gia					
Tên bảng dữ liệu: KQKIEMKEKNKQUOCGIA					
Năm công bố	NAMCONGBOKKKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm hoàn thành kiểm kê và công bố báo cáo kết quả kiểm kê
Năm được kiểm kê	NAMKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
KNK được kiểm kê	KNKDUOCKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_KNKDUOCKIEMKE
Tổng phát thải/hấp thụ KNK của quốc gia	TONGPHATTHAIKNKQUOCGIA	Số thực	REAL		Tổng phát thải/hấp thụ KNK của quốc gia. Đơn vị tính tấn CO ₂ tđ;

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
3.1.2. Dữ liệu Kết quả kiểm kê khí nhà kính theo lĩnh vực					
Tên bảng dữ liệu: KQKIEMKEKNKTHEOLINHVUC					
Năm được kiểm kê	NAMKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm có số liệu được thu thập phục vụ kiểm kê
Bộ quản lý lĩnh vực	BOQUANLY	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY
Lĩnh vực	LINHVUCKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_LINHVUCKIEMKEKNK
KNK được kiểm kê	KNKDUOCKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_KNKDUOCKIEMKE
Tiểu lĩnh vực được kiểm kê	TIEULINHVUCKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_TIEULINHVUCKIEMKEKNK
Kết quả kiểm kê KNK của tiểu lĩnh vực	PHATTHAIKNKTIEULINHVUC	Số thực	REAL		Đơn vị tính: tấn CO2tđ
Tổng phát thải/hấp thụ KNK của lĩnh vực	TONGPHATTHAIKNKLINHVUC	Số thực	REAL		Đơn vị tính: tấn CO2tđ (Trường hợp hấp thụ thì giá trị âm "-").
Phương pháp kiểm kê	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
Số liệu hoạt động	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
Hệ số phát thải và các thông số khác	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
3.1.3. Dữ liệu Cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên bảng dữ liệu: COSOPHAIKIEMKEKNK					
Mã cơ sở	MACOSOPHAIKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã cơ sở
Tên cơ sở	TENCOSOPHAIKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Tên cơ sở
Địa chỉ	DIACHICOSOPHAIKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Mã văn bản
Năm ban hành quyết định	NAMKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm ban hành quyết định về danh mục cơ sở phải kiểm kê
Ngành nghề kinh doanh	DM_NGANHNGHEKINHDOANH	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu DM_NGANHNGHEKINHDOANH
Bộ quản lý	BOQUANLY	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY
Mức tiêu thụ năng lượng	MUCTIEUTHUNANGLUONG	Số thực	REAL		Đơn vị tính theo TOE
Khối lượng chất thải xử lý hàng năm	CHATTHAIXULYHANGNAM	Số thực	REAL		Chỉ kê khai đối với cơ sở xử lý chất thải. Đơn vị theo tấn chất thải

3.1.4. Dữ liệu Kết quả kiểm kê khí nhà kính của cơ sở

Tên bảng dữ liệu: KQKIEMKEKNKCOSO					
Tên cơ sở	TENCOSOPHAIKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	
Địa chỉ của cơ sở	DIACHICOSOPHAIKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	
Giấy phép hoạt động	GIAYPHEPHOATDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Số giấy phép kinh doanh của cơ sở

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Người đại diện của cơ sở	NGUOIDAIDIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Tên người đại diện của cơ sở
Năm nộp báo cáo	NAMNOPBAOCAO	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm báo cáo được nộp cho cơ quan quản lý
Năm được kiểm kê	NAMKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm lấy số liệu kiểm kê
Ngành nghề kinh doanh	DM_NGANHNGHEKINHDOANH	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu DM_NGANHNGHEKINHDOANH
Bộ quản lý	BOQUANLY	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY
Cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất	MOTAHATANGCONGNGHESX	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Mô tả cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất
Các nguồn phát thải	NGUONPHATTHAI	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Liệt kê nguồn phát thải KNK trong phạm vi hoạt động của cơ sở
Các nguồn hấp thụ	NGUONHAPTHU	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Liệt kê nguồn hấp thụ, nếu có
KNK được kiểm kê	KNKDUOCKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_KNKDUOCKIEMKE
Kết quả kiểm kê KNK của cơ sở	KQKIEMKECOSO	Số thực	REAL		Tổng lượng phát thải của cơ sở. Đơn vị tính: tấn CO ₂ đ
Phương pháp kiểm kê KNK của cơ sở	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn đến tệp tin liên quan

3.2. Nhóm dữ liệu Hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

3.2.1. Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các bộ, ngành

Tên bảng dữ liệu: KHGIAMPHATTHAICUABONGANH

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Bộ thực hiện	BOQUANLY	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY
Lĩnh vực	LINHVUCKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_LINHVUCKIEMKEKNK
Giai đoạn của kế hoạch	GIAIDOANTHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Ví dụ đến năm 2030
Năm kế hoạch	NAMKEHOACH	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm kế hoạch
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải của lĩnh vực, không điều kiện, cho cả giai đoạn	MUCTIEUGIAMCHUNGKHONG DK	Số thực	REAL		Mục tiêu không điều kiện Tán CO ₂ td/giai đoạn
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải của lĩnh vực, không điều kiện, cho từng năm	MUCTIEUGIAMTUNGNAMKHO NGDK	Số thực	REAL		Mục tiêu không điều kiện Tán CO ₂ td/năm
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải của lĩnh vực, có hỗ trợ thêm của quốc tế, cho cả giai đoạn	MUCTIEUGIAMCHUNGCOHOT ROCUAQT	Số thực	REAL		Mục tiêu khi có hỗ trợ thêm của quốc tế Tán CO ₂ td/giai đoạn
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải của lĩnh vực, có hỗ trợ thêm của quốc tế, cho	MUCTIEUGIAMCHUNGCOHOT ROCUAQT	Số thực	REAL		Mục tiêu khi có hỗ trợ thêm của quốc tế Tán CO ₂ td/năm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
từng năm					
Đường phá thải cơ sở của lĩnh vực	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả phương pháp xây dựng kịch bản phát triển thông thường (BAU)	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả tiềm năng giảm phát thải KNK của lĩnh vực	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả biện pháp, hoạt động giảm phát thải của lĩnh vực	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả phương thức thực hiện các biện pháp, hoạt động giảm phát thải của lĩnh vực	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả kế hoạch, nguồn lực, lộ trình thực hiện các biện pháp, hoạt động, mục tiêu giảm phát	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
thải của lĩnh vực					
Mô tả các biện pháp giám sát, đánh giá việc triển khai kế hoạch	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan
Mô tả cách thức tổ chức, thực hiện kế hoạch	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan
Kế hoạch giảm phát thải KNK của Bộ	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn tệp tin liên quan

3.2.2. Dữ liệu Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của các biện pháp trong mỗi lĩnh vực

Tên bảng dữ liệu: KHGIAMPHATTHAICUABP

Bộ thực hiện	BOQUANLY	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY
Lĩnh vực	LINHVUCKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_LINHVUCKIEMKEKNK
Giai đoạn của kế hoạch	GIAIDOANTHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Ví dụ đến năm 2030
Năm kế hoạch	NAMKEHOACH	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm kế hoạch
Biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực	CACBIENPHAPGPT	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_CACBIENPHAPGIAMNHE
Kế hoạch giảm phát thải của biện pháp theo giai đoạn, không điều kiện,	KHGPTCUABIENPHAPTHEOGD KDK	Số thực	REAL		Thực hiện mục tiêu không điều kiện Tồn CO ₂ đ/giai đoạn

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Kế hoạch giảm phát thải của biện pháp theo giai đoạn, có hỗ trợ thêm của quốc tế	KHGPTCUABIENPHAPTHEOGD HTQT	Số thực	REAL		Thực hiện mục tiêu khi có hỗ trợ thêm của quốc tế Tấn CO ₂ td/giai đoạn
Kế hoạch giảm phát thải của biện pháp theo từng năm, không điều kiện,	KHGPTCUABIENPHAPTHEONA MKDK	Số thực	REAL		Thực hiện mục tiêu không điều kiện Tấn CO ₂ td/năm
Kế hoạch giảm phát thải của biện pháp theo từng năm, có hỗ trợ thêm của quốc tế	KHGPTCUABIENPHAPTHEONA MHTQT	Số thực	REAL		Thực hiện mục tiêu khi có hỗ trợ thêm của quốc tế Tấn CO ₂ td/năm

3.2.2. Dữ liệu Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở

Tên bảng dữ liệu: KHGIAMPHATTHAICOSO

Tên cơ sở	TENCOSOPHAIGPT	Chuỗi ký tự	CHAR	255	
Địa chỉ của cơ sở	DIACHICOSOPHAIGPT	Chuỗi ký tự	CHAR	225	
Giấy phép hoạt động	GIAYPHEPHOATDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Số giấy phép kinh doanh của cơ sở
Người đại diện của cơ sở	NGUOIDAIDIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tên người đại diện của cơ sở
Năm nộp báo cáo	NAMNOPBAOCAO	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm báo cáo được nộp cho cơ quan quản lý

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Ngành nghề kinh doanh	NGANHNGHEKINHDOANH	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu DM_NGANHNGHEKINHDOANH
Bộ quản lý	BOQUANLY	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY
Kết quả kiểm kê KNK của cơ sở	KQKKKNKCUACOSO	Số thực	REAL		Tấn CO ₂ đ/năm
Mức phát thải cơ sở dự kiến	PTKNKCOSO	Số thực	REAL		Tấn CO ₂ đ/năm
Mục tiêu giảm phát thải	GPTKNKCOSO	Số thực	REAL		Tấn CO ₂ đ/năm
Đường dẫn tệp tin Kế hoạch giảm phát thải KNK của cơ sở	URL	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Đường dẫn tệp tin liên quan

3.2.3. Dữ liệu Tổ chức đo đạc phát thải khí nhà kính

Tên bảng dữ liệu: TCDODACPHATTHAIKNK

Mã tổ chức	MATOCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã tổ chức
Tên tổ chức	TENTOCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên tổ chức
Địa chỉ tổ chức	DIACHITOUCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa chỉ của tổ chức

3.2.4. Dữ liệu Tổ chức báo cáo kết quả đo đạc phát thải khí nhà kính

Tên bảng dữ liệu: TCBCDODACPHATTHAIKNK

Mã tổ chức	MATOCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã tổ chức
Tên tổ chức	TENTOCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên tổ chức
Địa chỉ tổ chức	DIACHITOUCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa chỉ của tổ chức

3.2.5. Dữ liệu Tổ chức thẩm định báo cáo kết quả đo đạc phát thải khí nhà kính

Tên bảng dữ liệu: TCTDBCODACPHATTHAIKNK

Mã tổ chức	MATOCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã tổ chức
------------	----------	-------------	------	---	------------

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên tổ chức	TENTOCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên tổ chức
Địa chỉ tổ chức	DIACHITOUCHUC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa chỉ của tổ chức
3.2.6. Dữ liệu Kết quả giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực					
Tên bảng dữ liệu: KETQUAHGIAMPHATTHAILV					
Giai đoạn thực hiện	GIAIDOANTHUCHIEN	Giai đoạn thực hiện	CHAR	4	Giai đoạn thực hiện
Năm kế hoạch	NAMKEHOACH	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm kế hoạch
Bộ thực hiện	BOQUANLY	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY
Lĩnh vực thực hiện mục tiêu	LINHVUCKIEMKEKNK	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_LINHVUCKIEMKEKNK
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải chung của lĩnh vực	MUCTIEUGIAMPTCUALINHVUC	Số thực	REAL		Tấn CO ₂ td/giai đoạn
Biện pháp, hoạt động giảm nhẹ phát thải	CACBIENPHAPGIAMNHE	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_CACBIENPHAPGIAMNHE
Phạm vi thực hiện	PHAMVI	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Phạm vi thực hiện biện pháp giảm nhẹ phát thải
Thời gian thực hiện	THOIGIAN	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm thực hiện biện pháp giảm nhẹ phát thải
Điểm tham chiếu	DIEMTHAMCHIEU	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Năm cơ sở, đường phát thải cơ sở
Mục tiêu giảm nhẹ phát thải KNK của biện pháp	MUCTIEUGIAMPTCUABIENPHA P	Số thực	REAL		Tấn CO ₂ td/năm
Phương pháp đo	PHUONGPHAPDODAC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả tóm tắt phương pháp đo đạc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
đặc					
Các chỉ số đo đặc	CHISODODAC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả tóm tắt các chỉ số đo đặc
Tổ chức đo đặc	TOCHUCDODAC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới dữ liệu: TCDODACPHATTHAIKNK
Tổ chức báo cáo kết quả đo đặc	TOCHUCBAOCAO	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới dữ liệu: TCBCDODACPHATTHAIKNK
Tổ chức thẩm định báo cáo kết quả đo đặc	TOCHUCTHAMDINH	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tham chiếu tới dữ liệu: TCTDBCODACPHATTHAIKNK
Quy trình đo đặc, báo cáo, thẩm định	QUYTRINHDBCTD	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Mô tả tóm tắt quy trình đo đặc, báo cáo, thẩm định
Kết quả giảm nhẹ định lượng của biện pháp	KQGPHATTHAICUABIENPHAP	Số thực	REAL		Tấn CO ₂ td/năm
So sánh với kết quả giảm nhẹ của năm gần nhất	SSKQGPHATTHAICUABIENPHAP	Số thực	REAL		So sánh kết quả giảm phát thải với năm thực hiện gần nhất
Tổng kết quả giảm nhẹ của lĩnh vực	TONGGPTCUALINHVUC	Số thực	REAL		Tổng cộng kết quả giảm phát thải của các biện pháp trong lĩnh vực
Hoạt động giám sát, đánh giá	HDGIAMSATDANH GIA	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Mô tả tóm tắt hoạt động giám sát, đánh giá
Khó khăn, kiến nghị, đề xuất	KIENNGHI	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Mô tả tóm tắt khó khăn khi thực hiện và nêu kiến nghị, đề xuất

3.2.7. Dữ liệu Kết quả giảm phát thải khí nhà kính của cơ sở

Tên bảng dữ liệu: KQGIAMPHATTHAICOSO

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã cơ sở	MACOSO	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã cơ sở
Tên cơ sở	TENCOSOPHAIKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	
Địa chỉ của cơ sở	DIACHICOSOPHAIKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	
Giấy phép hoạt động	GIAYPHEPHOATDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Số giấy phép kinh doanh của cơ sở
Người đại diện của cơ sở	NGUOIDAIDIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Tên người đại diện của cơ sở
Ngành nghề kinh doanh	NGANHNGHEKINHDOANH	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu DM_NGANHNGHEKINHDOANH
Bộ quản lý	BOQUANLY	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_BOQUANLY
Ranh giới hoạt động	RANHGIOIHOATDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Ranh giới và phạm vi hoạt động của cơ sở
Cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất	HATANGCONGNGHESX	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất
Các nguồn phát thải	NGUONPHATTHAI	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Liệt kê nguồn phát thải KNK trong phạm vi hoạt động của cơ sở
Các nguồn hấp thụ	NGUONHAPTHU	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Liệt kê nguồn hấp thụ, nếu có
KNK được kiểm kê	KNKDUOCKIEMKE	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tham chiếu tới bảng dữ liệu: DM_KNKDUOCKIEMKE
Cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất	MOTAHATANGCONGNGHESX	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả cơ sở hạ tầng, công nghệ sản xuất
Mức phát thải dự kiến	MUCPTDUKIEN	Số thực	REAL		Mức phát thải dự kiến của cơ sở khi không áp dụng công nghệ, biện pháp giảm nhẹ phát thải

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Biện pháp giảm nhẹ phát thải đã áp dụng	CACBIENPHAPGIAMNHE	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Các biện pháp giảm nhẹ phát thải đã áp dụng tại cơ sở, tham chiếu: DM_CACBIENPHAPGIAMNHE
Năm thực hiện giảm nhẹ	NAMTHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm thực hiện biện pháp giảm phát thải tại cơ sở
Phương pháp tính mức giảm phát thải	PPTINHPHATTHAI	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Mô tả phương pháp thực hiện giảm phát thải
Phương pháp thu thập số liệu	PPTHUTHAPSOLIEU	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Mô tả phương pháp thu thập số liệu
Kết quả thu thập số liệu hoạt động	KQTTSLSHOATDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Liệt kê kết quả thu thập số liệu hoạt động
Kết quả giảm nhẹ phát thải KNK	KQGIAMPTCOSO	Số thực	REAL		Kết quả giảm phát thải của cơ sở (Tấn CO ₂ đ/năm)
Độ tin cậy, mức độ không chắc chắn của kết quả giảm nhẹ	DOTINCAYKETQUA	Chuỗi ký tự	CHAR	2550	Mô tả độ tin cậy, độ không chắc chắn của kết quả
Đường dẫn tệp tin Báo cáo kết quả giảm phát thải KNK của cơ sở	URL	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Đường dẫn tệp tin Báo cáo kết quả giảm phát thải KNK của cơ sở
3.2.8. Dữ liệu Chương trình, dự án trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon					
Tên bảng dữ liệu: CTDATAODOIBUTRUTINCHICACBON					
Mã chương	MACTDA	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Mã chương trình dự án trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
trình, dự án					
Tên chủ dự án	TENCHUCTDA	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tên chủ dự án được đăng ký chính thức
Địa chỉ	DIACHI	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Địa chỉ của chủ dự án
Tên dự án	TENCTDA	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tên chương trình dự án thực hiện
Tên cơ chế đăng ký	COCHETAOTINCHI	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Tên cơ chế đăng ký tín chỉ các-bon
Lĩnh vực hoạt động	LINHVUCHOATDONG	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Lĩnh vực thực hiện của chương trình, dự án
Phương pháp tạo tín chỉ các-bon	PPTAOTINCHI	Chuỗi ký tự	CHAR	225	Mô tả tóm tắt phương pháp tạo tín chỉ các-bon của chương trình, dự án
Thời điểm dự án được công nhận	NAMCONGNHAN	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm chương trình, dự án được công nhận theo cơ chế nói trên
Giai đoạn nhận tín chỉ của dự án	GIADOANNHANTINCHI	Chuỗi ký tự	CHAR	225	từ tháng .../năm... đến tháng.../năm...;
Tổng lượng tín chỉ các-bon dự kiến được cấp	LUONGTINCHIDUKIEN	Số thực	REAL		Tổng lượng tín chỉ dự kiến được cấp
Tổng lượng tín chỉ các-bon đã được cấp giai đoạn 1	LUONGTINCHIDADUOCCAPGD 1	Số thực	REAL		Tổng lượng tín chỉ đã được cấp cho giai đoạn 1
Tổng lượng tín chỉ các-bon đã được cấp giai đoạn 2	LUONGTINCHIDADUOCCAPGD 1	Số thực	REAL		Tổng lượng tín chỉ đã được cấp cho giai đoạn 2
Tổng lượng tín chỉ đã trao đổi, bù trừ	LUONGTINCHIDATRAODOI	Số thực	REAL		Tổng lượng tín chỉ đã thực hiện trao đổi, bù trừ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
3.3. Nhóm thông tin Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia					
3.3.1. Dữ liệu về hiện trạng khí hậu trong giai đoạn đánh giá					
Tên bảng dữ liệu: HIEN TRANGKHIHAU GIAIDOAN					
Mã đối tượng	HIEN TRANGKHIHAUGD_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOANDANH GIA	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Thời kỳ đánh giá biến đổi khí hậu”
Nhiệt độ	NHIETDOTBTHANG	Số thực	REAL		Là Nhiệt độ trung bình tháng (oC)
Lượng mưa	TONGMUATHANG	Số thực	REAL		Là Tổng lượng mưa tháng (mm).
Bốc hơi	TONGBOCHOITBTHANG	Số thực	REAL		Là Tổng lượng bốc hơi trung bình tháng (mm).
Độ ẩm	DOAMTUONGDOITBTHANG	Số thực	REAL		Là Độ ẩm tương đối trung bình tháng (%).
Số giờ nắng	SOGIONANGTBTHANG	Số thực	REAL		Là Số giờ nắng trung bình tháng (giờ)
Vận tốc gió	VANTOCGIOTBTHANG	Số thực	REAL		Là Vận tốc gió trung bình tháng (m/s)
Số cơn bão, áp thấp nhiệt đới	SOBAOATNDTBNAM	Số nguyên	INT	3	Số cơn bão, áp thấp nhiệt đới (cơn/năm)
Nước biển dâng	MUCBIENDOINUOCBIENTBNAM	Số thực	REAL		Mức độ biến đổi mực nước biển trung bình (mm/năm)
Xâm nhập mặn	XUTHEDOMAN	Số thực	REAL		Xu thế độ mặn (‰)
Nắng nóng	SONGAYNANGNONGNAM	Số nguyên	INT	3	Số ngày nắng nóng (ngày/năm)
Hạn hán	SOTHANGHANHANNAM	Số nguyên	INT	3	Số tháng xảy ra hạn hán (tháng/năm)
Rét đậm	SONGAYRETDAMNAM	Số nguyên	INT	3	Số ngày rét đậm (ngày/năm)
Rét hại	SONGAYRETHAINAM	Số nguyên	INT	3	Số ngày rét hại (ngày/năm)
Mưa đá	SOTRANMUADANAM	Số nguyên	INT	3	Số trận mưa đá (trận/năm)
Sương muối	SOTRANSUONGMUOINAM	Số nguyên	INT	3	Số ngày sương muối (ngày/năm)
Liên kết file dữ liệu đính kèm					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
3.3.2. Dữ liệu về Dao động của khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DAODONGKHIHAU					
Mã đối tượng	DAODONGKHIHAU_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Thời kỳ đánh giá biến đổi khí hậu”
Nhiệt độ	DANHGIANHIETDOTB_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nhiệt độ trung bình trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về nhiệt độ	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Lượng mưa	DANHGIAMUATB_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của lượng mưa trung bình trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về lượng mưa	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Nước biển dâng	DANHGIANUOCBIENDANG_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nước biển dâng trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về nước biển dâng	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Xâm nhập mặn	DANHGIAXAMNHAPMAN_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của xâm nhập mặn trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về xâm nhập mặn	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Bão và áp thấp nhiệt đới	DANHGIABAOATND_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của bão và áp thấp nhiệt đới trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về bão và áp thấp nhiệt đới	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Mưa lớn	DANHGIAMUALON_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của mưa lớn trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về mưa lớn	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Lũ	DANHGIALU_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của lũ trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về lũ	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Lũ quét và sạt lở đất	DANHGIALUQUETSATLO_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của lũ quét và sạt lở đất trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về lũ quét và sạt lở đất	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Nắng nóng, hạn hán	DANHGIANANGHAN_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của nắng nóng, hạn hán trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về nắng nóng, hạn hán	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Rét đậm	DANHGIARETDAM_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của rét đậm trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về rét đậm	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Rét hại	DANHGIARETHAI_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của rét hại trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về rét hại	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Mưa đá	DANHGIAMUADA_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của mưa đá trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về mưa đá	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Sương muối	DANHGIASUONGMUOI_THOIKY	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá về diễn biến, xu thế và mức độ dao động của sương muối trên phạm vi cả nước qua các thời kỳ
Liên kết file Báo cáo đánh giá về sương muối	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)

3.3.3. Dữ liệu về mức độ phù hợp của kịch bản so với diễn biến thực tế của khí hậu

Tên bảng dữ liệu: MUCDOPHUHOPKICHBAN

Mã đối tượng	MUCDOPHUHOPKICHBAN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Kịch bản biến đổi khí hậu	DM_KICHBANBIENDOIKHIIHAU	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Kịch bản biến đổi khí hậu”
Nhiệt độ	KQDANHGIAPHUHOPNHIETDO	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của nhiệt độ theo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					các kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của nhiệt độ;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp nhiệt độ	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Lượng mưa	KQDANHGIAPHUHOPLUONGMUA	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của lượng mưa theo các kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của lượng mưa;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp lượng mưa	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Bão và áp thấp nhiệt đới	KQDANHGIAPHUHOPBAOATND	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của bão và áp thấp nhiệt đới theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của bão và áp thấp nhiệt đới;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp bão và áp thấp nhiệt đới	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Rét đậm, rét hại	KQDANHGIAPHUHOPRETHAI	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của rét đậm, rét hại theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của rét đậm, rét hại;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp rét đậm, rét hại	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Nắng nóng	KQDANHGIAPHUHOPNANGNO	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của nắng nóng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
	NG				theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế của nắng nóng;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp nắng nóng	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)
Hạn hán	KQDANHGIAPHUHO PHANHAN	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Mô tả kết quả đánh giá mức độ phù hợp của hạn hán theo kịch bản biến đổi khí hậu so với diễn biến thực tế hạn hán;
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp hạn hán	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ đính kèm)

3.3.4. Dữ liệu về mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu

3.3.4.1. Mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp trung ương và các bộ/ngành

Tên bảng dữ liệu: MUCDOSUDUNG KICHBANTW

Mã đối tượng	MUCDOSUDUNGKBTW_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Kịch bản biến đổi khí hậu	DM_KICHBANBIENDOIKHIIHAU	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Kịch bản biến đổi khí hậu”
Đối tượng sử dụng	DTSUDUNG	Số nguyên	INT	2	Đối tượng sử dụng kịch bản. Được xác định trong bảng danh mục “Bộ/Ngành”
Mức độ sử dụng ở cấp trung ương và các bộ/ngành	KQMUCDOSUDUNGKBTW	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả kết quả đánh giá mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp trung ương và các Bộ/ngành
Liên kết file Báo	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
cáo đánh giá mức độ sử dụng Kịch bản biến đổi khí hậu ở cấp trung ương và các bộ/ngành					
3.3.4.2. Mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương					
Tên bảng dữ liệu: MUCDOSUDUNG KBDP					
Mã đối tượng	MUCDOSUDUNGKBDP_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Kịch bản biến đổi khí hậu	DM_KICHBANBIENDOIKHHAU	Số nguyên	INT	1	Được xác định trong bảng danh mục “Kịch bản biến đổi khí hậu”
Đối tượng sử dụng	DTSUDUNG	Số nguyên	INT	2	xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Mức độ sử dụng ở địa phương	KQMUCDOSUDUNGKICHBAND P	Chuỗi kí tự	CHAR		Mô tả kết quả đánh giá mức độ sử dụng kịch bản đối với hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương
Liên kết file Báo cáo đánh giá mức độ sử dụng Kịch bản biến đổi khí hậu ở địa phương	URL				Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.4. Nhóm thông tin Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội					
3.4.1. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường và hệ sinh thái, các hoạt động kinh tế - xã hội					
3.4.1.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
a. Tài nguyên đất					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGTND					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGTND_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGTND_ID				Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất
Kết quả đánh giá tác động	TACDONGTND	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
b. Tài nguyên nước					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGTNN					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGTNN_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGTNN_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước
Kết quả đánh giá tác động	TACDONGTNN	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
c. Tài nguyên khoáng sản					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGTNKS					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGTNKS_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGTNKS_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên khoáng sản
Kết quả đánh giá tác động	TacDongTNKS	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên khoáng sản
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
d) Tài nguyên rừng					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGTNRUNG					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGTNRUNG_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGTNRUNG_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên rừng
Kết quả đánh giá tác động	TacDongTNRung	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên rừng
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
đ) Tài nguyên năng lượng					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGNANGLUONG					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGNL_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGNANGLUONG_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến tài nguyên năng lượng
Kết quả đánh giá tác động	TacDongNangLuong	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên năng lượng
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
e) Đa dạng sinh học					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGDDSH					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGDDSH_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGDADANGSINH HOC_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học
Kết quả đánh giá tác động	TacDongDDSH	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
3.4.1.2. Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế - xã hội					
a) Nông nghiệp					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGNONGNGHIEP					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGNN_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGNONGNGHIEP_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến nông nghiệp
Kết quả đánh giá tác động	TacDongNongNghiep	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
b) Công nghiệp					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGCONGNGHIEP					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGCN_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGCONGNGHIEP_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến công nghiệp
Kết quả đánh giá tác động	TacDongCongNghiep	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến công nghiệp

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
c) Đô thị					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGDOTH					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGDOTH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGXDDT_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến xây dựng và đô thị
Kết quả đánh giá tác động	TacDongDoThi	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến đô thị
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
d) Giao thông vận tải					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGGTVT					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGGTVT_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGGTVT_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến giao thông vận tải
Kết quả đánh giá tác động	TacDongGTVT	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến giao thông vận tải

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
đ) Du lịch					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGDULICH					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGDULICH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGDULICH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến du lịch
Kết quả đánh giá tác động	TacDongDuLich	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến du lịch
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
e) Bình đẳng giới					
Tên bảng dữ liệu: KQDANHGIATACDONGGGIOI					
Mã đối tượng	KQDANHGIATACDONGGGIOI_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Nội dung đánh giá tác động	DM_NOIDUNGDANHGIATACDONG	Số nguyên	INT	1	Giá trị theo Danh mục Nội dung đánh giá tác động của BDKH
Khu vực đánh giá tác động	VUNGTACDONGGGIOIVAGIAMNGHEO_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Mã đối tượng không gian khu vực đánh giá tác động, là khóa ngoại liên kết tới lớp dữ liệu Bản đồ phân cấp, phân vùng tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến du lịch
Kết quả đánh giá tác động	TacDongBinhDangGioi	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả xu thế tác động của biến đổi khí hậu đến bình đẳng giới

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.4.2. Tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu					
3.4.2.1. Tổn thất và thiệt hại đến tài nguyên					
Tên bảng dữ liệu: TTBDKH_TAINGUYEN					
Mã đối tượng	TONTHATTANGUYEN_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NamCongBo	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin tổn thất thiệt hại đến tài nguyên
Thời gian đánh giá	GiaiDoanDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tổn thất thiệt hại đến tài nguyên
Phạm vi đánh giá	PhamViDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là không gian đánh giá tổn thất thiệt hại đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Loại Tài nguyên	DM_PhanLoaiTainguyen	Số nguyên	INT	2	Giá trị theo Danh mục Phân loại tài nguyên
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	ThoiTietKhiHauCucDoan	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BDKH
Loại tổn thất và thiệt hại	ThongTinTonThatThietHai	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là thông tin về lượng tổn thất thiệt hại đối với tài nguyên
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)
3.4.2.2 Tổn thất và thiệt hại đến kinh tế - xã hội					
Tên bảng dữ liệu: TTBDKH_KTXH					
Mã đối tượng	TONTHATKTXH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm công bố	NamCongBo	Số nguyên	INT	4	Thời gian công bố thông tin tổn thất thiệt hại đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội
Thời gian đánh giá	GiaiDoanDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Khoảng thời gian tiến hành đánh giá tổn thất thiệt hại đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội
Phạm vi đánh giá	PhamViDanhGiaTacDong	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là không gian đánh giá tổn thất thiệt hại đến đối tượng theo (khu vực, địa phương)
Phân loại các lĩnh vực kinh tế - xã hội	DM_PhanLoaiLinhVucKTXH	Số nguyên	INT	2	Giá trị theo Danh mục tác động kinh tế xã hội
Cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan	ThoiTietKhiHauCucDoan	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là tên các cực trị thời tiết và hiện tượng khí hậu cực đoan gây ra tác động BDKH
Loại tổn thất và thiệt hại	ThongTinTonThatThietHai	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là thông tin về lượng tổn thất thiệt hại đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)

3.5. Nhóm thông tin Hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu

3.5.1. Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu

3.5.1.1. Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia

Tên bảng dữ liệu: GSHOATDONGTHICHUNGCAPQG

Mã đối tượng	GSTHICHUNGCAPQG_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Đơn vị thực hiện	DONVITHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm thực hiện đánh giá	THOIDIEMDANH GIA	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là thời gian thực hiện giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Nội dung giám sát, đánh giá	Chi tiết tại nhóm dữ liệu Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu				Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)

3.5.1.2. Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của các Bộ/Ngành

Tên bảng dữ liệu: GSHOATDONGTHICHUNGBONGANH

Mã đối tượng	GSTHICHUNGCAPBO_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Đơn vị thực hiện	DONVITHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp Bộ
Năm thực hiện đánh giá	THOIDIEMDANH GIA	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là thời gian thực hiện giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Nội dung giám sát, đánh giá	Chi tiết tại nhóm dữ liệu Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu				Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)

3.5.1.3. Giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương

Tên bảng dữ liệu: GSHOATDONGTHICHUNGDP

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	GSTHICHUNGDP_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Đơn vị thực hiện	DONVITHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin, kết quả giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu của địa phương
Năm thực hiện đánh giá	THOIDIEMDANH GIA	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là thời gian thực hiện giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Nội dung giám sát, đánh giá	Chi tiết tại nhóm dữ liệu Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu				Là những thông tin, chỉ số giám sát đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu được quy định tại QĐ 148/TTg ngày 28/01/2022
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)

3.5.1.4. Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu

3.5.1.4.1. Nhóm dữ liệu Tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực

3.5.1.4.1.1. Dữ liệu về giống cây trồng mới thích ứng biến đổi khí hậu được chọn tạo và áp dụng

Tên bảng dữ liệu: DMGIONGCAYTRONG

Mã đối tượng	GiongCayTrong_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên giống cây trồng	TenGiongCay	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên giống cây trồng
Quy mô áp dụng (diện tích cây trồng tính bằng	QuyMo	Số thực	REAL	5	Quy mô áp dụng (diện tích cây trồng tính bằng ha)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
ha)					
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.2. Dữ liệu về giống vật nuôi mới thích ứng biến đổi khí hậu được chọn tạo và áp dụng					
Tên bảng dữ liệu: DMGIONGVATNUOIMOI					
Mã đối tượng	GiongVatNuoi_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên giống vật nuôi mới	TenGiongVatNuoi	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên giống vật nuôi mới
Quy mô áp dụng (vật nuôi tính bằng số lượng con)	QuyMo	Số thực	REAL	5	Quy mô áp dụng (vật nuôi tính bằng số lượng con)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.3. Dữ liệu về mô hình sản xuất, canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DMMOHINHSX					
Mã đối tượng	MoHinhSX_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên mô hình	TenMoHinh	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên mô hình
Địa điểm áp dụng	DiaDiemApDung	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm áp dụng
Quy mô áp dụng	QuyMo	Số thực	REAL	5	Quy mô áp dụng
Thuộc lĩnh vực	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
giám sát đánh giá					động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi

3.5.1.4.1.4. Dữ liệu về công nghệ, giải pháp hữu ích trong sản xuất, canh tác được ứng dụng

Tên bảng dữ liệu: DMCONGNGHESX

Mã đối tượng	CongNgheSX_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công nghệ, giải pháp	MoTaCongNghe	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên công nghệ, giải pháp
Địa điểm áp dụng	DiaDiemApDung	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm áp dụng
Quy mô áp dụng	QuyMo	Số thực	REAL	5	Quy mô áp dụng
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi

3.5.1.4.1.5. Dữ liệu về kết quả bảo vệ, trồng mới và phục hồi rừng đặc dụng, phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn cho mục đích thích ứng với biến đổi khí hậu

Tên bảng dữ liệu: KQBAOVERUNG

Mã đối tượng	BaoVeRung_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Hạng mục	HangMucThucHien	Chuỗi ký tự	CHAR		Mô tả hạng mục đã thực hiện
Kết quả (ha)	KQThucHien	Số thực	REAL	10	Kết quả (ha)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi

3.5.1.4.1.6. Dữ liệu về công nghệ cao ứng dụng trong dự báo phòng, chống cháy rừng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên bảng dữ liệu: CNPCCCRUNG					
Mã đối tượng	CNPCCCRung_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công nghệ	MoTaCongNghe	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Mô tả công nghệ
Quy mô áp dụng	QuyMo	Số thực	REAL	5	Quy mô áp dụng
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.7. Dữ liệu về xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro biến đổi khí hậu với hệ sinh thái tự nhiên					
Tên bảng dữ liệu: XDBDPHANVUNGRUIRO					
Mã đối tượng	XDBDPhanVungRuiRo_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên bản đồ xây dựng	TenToBD_PhienHieuManh	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên bản đồ, phiên hiệu mảnh bản đồ đã xây dựng
Quy mô áp dụng	QuyMo	Số thực	REAL	5	Quy mô áp dụng
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.8. Dữ liệu về các khu bảo tồn, khu cứu hộ, bảo tồn ngoại vi nuôi và nhân giống các loài bị đe dọa được thành lập mới					
Tên bảng dữ liệu: DMKHUBAOTONMOI					
Mã đối tượng	DMKhuBaoTonMoi_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên khu	TenKhuBaoTon	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên các khu bảo tồn, khu cứu hộ, bảo tồn ngoại vi nuôi và nhân giống các loài bị đe dọa được thành lập mới
Diện tích (ha)	DienTich	Số thực	REAL	5	Diện tích (ha)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.9. Dữ liệu về mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực có tính đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DMMHKHUBAOTON					
Mã đối tượng	DMMHKhuBaoTon_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên mô hình	TenMoHinh	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên các mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực có tính đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu
Diện tích áp dụng (ha)	DienTich	Số thực	REAL	5	Diện tích (ha)
Địa điểm thực hiện	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.10. Dữ liệu về kết quả khôi phục các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái					
Tên bảng dữ liệu: KQKHOIPHUCHST					
Mã đối tượng	KQKhoiPhucHST_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên các hệ sinh thái khôi phục	TenHeSinhThai	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên các hệ sinh thái khôi phục
Diện tích (ha)	DienTich	Số thực	REAL	5	Diện tích (ha)
Tỷ lệ được khôi	TyLeKhoiPhuc	Số thực	REAL	5	Tỷ lệ được khôi phục so với tổng mức độ bị suy thoái

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
phục so với tổng mức độ bị suy thoái (%)					(%)
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.11. Dữ liệu về mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái được triển khai					
Tên bảng dữ liệu: MHTUBDKH					
Mã đối tượng	MHTUBDKH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên mô hình	TenMoHinh	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái được triển khai
Diện tích (ha)	DienTich	Số thực	REAL	10	Diện tích (ha)
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.12. Dữ liệu về các mô hình khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được triển khai					
Tên bảng dữ liệu: MHKTNUOCTK					
Mã đối tượng	MHKTNuocTK_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên mô hình	TenMoHinh	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên mô hình khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được triển khai
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm
Quy mô áp dụng	QuyMo	Số thực	REAL	10	Quy mô áp dụng (ha)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
(ha)					
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.13. Dữ liệu về công trình trữ nước trong điều kiện khan hiếm nước, hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng do biến đổi khí hậu được triển khai					
Tên bảng dữ liệu: CONGTRINHCHUANUOC					
Mã đối tượng	CongTrinhChuaNuoc_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	TenCongTrinh	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên công trình
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm
Quy mô áp dụng (m3)	QuyMo	Số thực	REAL	10	Quy mô áp dụng (m3)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.14. Dữ liệu về trạm quan trắc, giám sát tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất) được xây dựng và vận hành					
Tên bảng dữ liệu: TRAMQUANTRACTNN					
Mã đối tượng	TramQuanTracTNN_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên trạm quan trắc	TenTram	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên trạm quan trắc
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Địa điểm
Yếu tố quan trắc	YeuToQuanTrac	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Yếu tố quan trắc
Tổng mức đầu tư (tr. đồng)	TongMucDauTu	Số thực	REAL	10	Tổng mức đầu tư (tr. đồng)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.15. Dữ liệu về Quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông được rà soát, điều chỉnh					
Tên bảng dữ liệu: QTVHLIENHO					
Mã đối tượng	QTVHLienHo_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên quy trình ban hành	TenQuyTrinh	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông được rà soát, điều chỉnh, ban hành
Tên lưu vực sông	LuuVucSong	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên lưu vực sông
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.16. Dữ liệu về công trình/dự án giao thông đường bộ, đường thủy ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: CTDAGTVT					
Mã đối tượng	CTDAGTVT_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình/dự án	TenDuAn	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên công trình/dự án giao thông đường bộ, đường thủy ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp
Loại công trình xây dựng	LoaiCT	Số nguyên	INT	1	1: Xây dựng mới 2: Cải tạo 3: Nâng cấp
Kinh phí (tr.	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
đồng)					
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.17. Dữ liệu về khối lượng đường giao thông ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: TKDUONGGT					
Mã đối tượng	TKDuongGT_ID	Chuỗi kí tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên (ký hiệu) đường giao thông	TenDuong	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên đường giao thông ở khu vực thường bị đe dọa bởi lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở đất được xây dựng, cải tạo và nâng cấp
Chiều dài (Km)	ChieuDai	Số thực	REAL	10	Chiều dài xây dựng, cải tạo và nâng cấp (Km)
Loại công trình xây dựng	LoaiCT	Số nguyên	INT	1	1: Xây dựng mới 2: Cải tạo 3: Nâng cấp
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.18. Dữ liệu về công trình hạ tầng kỹ thuật phòng, chống ngập lụt ở đô thị được xây dựng, nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: HTKTCHONGNGAPDT					
Mã đối tượng	HTKTChongNgapDT_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	TenCT	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên công trình hạ tầng kỹ thuật phòng, chống ngập lụt ở

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					đô thị được xây dựng, nâng cấp
Địa điểm xây dựng	DiaDiem	Số thực	REAL	10	Chiều dài xây dựng, cải tạo và nâng cấp (Km)
Loại công trình xây dựng	LoaiCT	Số nguyên	INT	1	1: Xây dựng mới 2: Nâng cấp
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.19. Dữ liệu về kết quả xây dựng, nâng cấp cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh tại các vùng chịu nhiều rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: CSYTTHICHUNGBDKH					
Mã đối tượng	CSYTThichUngBDKH_ID	Chuỗi kí tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh	TenCS	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh
Địa điểm xây dựng	DiaDiem	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Địa điểm xây dựng
Loại công trình xây dựng	LoaiCT	Số nguyên	INT	1	1: Xây dựng mới 2: Nâng cấp
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
giá					đổi
3.3.1.4.1.20. Dữ liệu về số lượng cơ sở y tế, khám chữa bệnh được cung cấp trang thiết bị dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DTTBYTTHICHUNGBDKH					
Mã đối tượng	DTTBYTThichUngBDKH_ID	Chuỗi kí tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh	TenCSYT	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên cơ sở y tế, khám chữa bệnh được cung cấp trang thiết bị dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Địa điểm
Kinh phí đầu tư (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí đầu tư
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.21. Dữ liệu về kết quả dự báo, cảnh báo dịch bệnh, các nguy cơ sức khỏe do thời tiết, khí hậu cực đoan					
Tên bảng dữ liệu: CANHBAODICHBENHLIENQUANBDKH					
Mã đối tượng	CanhBaoDichBenhLienQuanBDKH_ID	Chuỗi kí tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên bản tin phát hành	TenBanTinCanhBao	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên bản tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh, các nguy cơ sức khỏe do thời tiết, khí hậu cực đoan
Số lượng (bản tin)	SoBanTin	Số nguyên	INT	5	Số lượng bản tin
Ngày phát hành	DATE	Thời gian	Date		Ngày phát hành
Phạm vi dự báo,	PhamVi	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
cảnh báo (tên khu vực)					
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.22. Dữ liệu về kết quả thực hiện đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: DAOTAOSINHKETHICHUNGBDKH					
Mã đối tượng	DaoTaoSinhKeThichUngBDKH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Hạng mục	HangMuc	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên hạng mục đào tạo nghề và chuyển đổi sinh kế cho các cộng đồng, đối tượng dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu
Loại chương trình	LoaiCT	Số nguyên	INT	1	Các giá trị xác định: 1: Đào tạo 2: Chuyển đổi sinh kế
Số người dân tham gia (người)	SoNguoiThamGia	Số nguyên	INT	10	Số lượng người dân tham gia
Tỷ lệ nữ (%)	TyLeNu	Số thực	REAL	10	Tỷ lệ nữ (%)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.23. Dữ liệu về kết quả thực hiện đào tạo kỹ năng mềm về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai					
Tên bảng dữ liệu: DAOTAOKYNANGTHICHUNGBDKH					
Mã đối tượng	DaoTaoKyNangThichUngBDKH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên chương trình đào tạo	TenCT	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên chương trình đào tạo kỹ năng mềm về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai
Số người dân tham gia (người)	SoNguoiThamGia	Số nguyên	INT	10	Số lượng người dân tham gia
Tỷ lệ nữ (%)	TyLeNu	Số thực	REAL	10	Tỷ lệ nữ (%)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.24. Dữ liệu về di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được bảo quản, tu bổ và phục hồi					
Tên bảng dữ liệu: BAOQUANDTLSVH					
Mã đối tượng	BaoQuanCTDTLSVH_ID	Chuỗi kí tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	TenCT	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được bảo quản, tu bổ và phục hồi
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Địa điểm
Loại hạng mục công việc	LoaiHangMuc	Số nguyên	INT	1	Các giá trị xác định: 1: Bảo quản 2: Tu bổ và phục hồi
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.25. Dữ liệu về cơ sở hạ tầng du lịch ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên bảng dữ liệu: CSHTDULICH					
Mã đối tượng	CSHTDuLich_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	TenCT	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên công trình cơ sở hạ tầng du lịch ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Địa điểm
Loại hạng mục công việc	LoaiHangMuc	Số nguyên	INT	1	Các giá trị xác định: 1: Xây mới 2: Nâng cấp
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.1.26. Dữ liệu về công trình thể thao ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp					
Tên bảng dữ liệu: CSHTTHETHAO					
Mã đối tượng	CSHTTheThao_ID	Chuỗi kí tự	CHAR	4	Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	TenCT	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên công trình cơ sở hạ tầng du lịch ở khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu được xây dựng, nâng cấp
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Địa điểm
Loại hạng mục công việc	LoaiHangMuc	Số nguyên	INT	1	Các giá trị xác định: 1: Xây mới 2: Nâng cấp
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.2. Nhóm dữ liệu giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu					
3.5.1.4.2.1. Dữ liệu về kết quả xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; trạm quan trắc khí tượng thủy văn và xâm nhập mặn					
Tên bảng dữ liệu: CSHTGIAMNHEBDKH					
Mã đối tượng	CSHTGiamNheBDKH_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	TenCT	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên công trình, hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng; trạm quan trắc khí tượng thủy văn và xâm nhập mặn
Đơn vị tính	DVT	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Đơn vị tính (Hệ thống/Trạm...)
Số lượng	SoLuong	Số nguyên	INT	10	Số lượng công trình, hệ thống, trạm quan trắc
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.2.2. Dữ liệu về kết quả dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn; dự báo khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: KQDUBAOCANHBAO					
Mã đối tượng	CSHTGiamNheBDKH_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại hình bản tin dự báo, cảnh	LoaiHinhBanTin	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Loại hình bản tin dự báo, cảnh báo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
báo					
Số lượng	DVT	Số nguyên	INT	10	Số lượng bản tin dự báo, cảnh báo
Số lượng	SoLuong	Số nguyên	INT	10	Số lượng công trình, hệ thống, trạm quan trắc
Phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)	PhamVi	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Mô tả phạm vi dự báo, cảnh báo (tên khu vực)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi

3.5.1.4.2.3. Dữ liệu về tỷ lệ người dân tại các vùng có rủi ro thiên tai trước tác động của biến đổi khí hậu được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo

Tên bảng dữ liệu: TYLETIEPCANTHONGTINCANHBAO

Mã đối tượng	TyLeTiepCanThongTinCanhBao_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên khu vực dự báo, cảnh báo	TenKhuVuc	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên khu vực dự báo, cảnh báo
Tổng dân số trong khu vực (người)	SoDan	Số nguyên	INT	10	Tổng dân số trong khu vực (người)
Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo (%)	TyLeTiepCanTT	Số thực	REAL	10	Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin dự báo, cảnh báo (%)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi

3.5.1.4.2.4. Dữ liệu về số hộ gia đình trong vùng có nguy cơ rủi ro thiên tai được di dời đến nơi an toàn.

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên bảng dữ liệu: SOHODANDIDOI					
Mã đối tượng	SoHoDanDiDoi_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên khu vực nguy cơ rủi ro thiên tai	TenKhuVuc	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên khu vực dự báo, cảnh báo
Tổng số hộ gia đình (hộ)	SoHoDan	Số nguyên	INT	10	Tổng số hộ gia đình trong khu vực nguy cơ rủi ro thiên tai (hộ)
Số hộ gia đình được di rời đến nơi an toàn (hộ)	SoHoDanDiDoi	Số nguyên	INT	10	Số hộ gia đình được di rời đến nơi an toàn (hộ)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.2.5. Dữ liệu về xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước, chi tiết đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao					
Tên bảng dữ liệu: BANDORUIROCHITIETCAPXA					
Mã đối tượng	BanDoRuiRoChiTietCapXa_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên bản đồ	TenBanDo	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên bản đồ, Phiên hiệu mảnh bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai cho phạm vi cả nước, chi tiết đến cấp xã đặc biệt đối với các khu vực có nguy cơ rủi ro cao
Tỷ lệ bản đồ	TyLeBD	Chuỗi kí tự	CHAR	50	Tỷ lệ bản đồ
Loại hình rủi ro thiên tai	LoaiHinhThienTai	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Mô tả Loại hình rủi ro thiên tai
Phạm vi phân	PhamVi	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Phạm vi phân vùng (tên khu vực)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
vùng (tên khu vực)					
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.2.6. Dữ liệu về kết quả xây dựng, nâng cấp, đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, phòng chống thiên tai					
Tên bảng dữ liệu: BAODAMANTOANCONGTRINH					
Mã đối tượng	BaoDamAnToanCongTrinh_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên công trình	TenCT	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Tên công trình hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, phòng chống thiên tai được xây dựng, nâng cấp
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi kí tự	CHAR	255	Địa điểm
Loại hạng mục công việc	LoaiHangMuc	Số nguyên	INT	1	Các giá trị xác định: 1: Xây mới 2: Nâng cấp
Kinh phí (tr. đồng)	KinhPhi	Số thực	REAL	10	Kinh phí thực hiện
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi
3.5.1.4.2.7. Dữ liệu tổng hợp về tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: TKTONTHATTHIETHAI					
Mã đối tượng	TonThatThietHai_ID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại thiệt hại	LoaiThietHai	Chuỗi kí tự	CHAR	100	Mô tả loại thiệt hại
Đơn vị tính	DVT	Chuỗi kí tự	CHAR	50	Đơn vị tính của đối tượng tổn thất thiệt hại (Công

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					trình/Nhà ở ...)
Giá trị tổn thất, thiệt hại (tr. đồng)	GiaTriThietHai	Số thực	REAL	10	Giá trị tổn thất, thiệt hại (tr. đồng)
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi

3.5.1.4.2.8. Dữ liệu về hồ chứa có phương án phòng lũ cho hạ du trong tình huống xả khẩn cấp và vỡ đập

Tên bảng dữ liệu: PAHOCHUA

Mã đối tượng	PAHoChua_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên hồ chứa	TenHo	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên hồ chứa có phương án phòng lũ cho hạ du trong tình huống xả khẩn cấp và vỡ đập
Địa điểm	DiaDiem	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa chỉ hồ chứa
Thuộc lĩnh vực giám sát đánh giá	DM_LVHOATDONGTHICHUNG	Số nguyên	INT	1	Xác định giá trị theo Bảng danh mục Các lĩnh vực, hoạt động giám sát, đánh giá trong hoạt động thích ứng biến đổi

3.5.2. Tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu

3.5.2.1. Tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia

Tên bảng dữ liệu: KQHOATDONGTHICHUNGQG

Mã đối tượng	KQHOATDONGTHICHUNGQG_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Đơn vị thực hiện	DONVITHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Tình hình thực hiện	NOIDUNGTHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR		Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công văn số....
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)

3.5.2.2. Tình hình thực hiện quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu của các bộ, cơ quan ngang bộ

Tên bảng dữ liệu: KQHOATDONGTHICHUNGBONGANH

Mã đối tượng	KQHOATDONGTHICHUNGBONGANH_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Bộ, ngành thực hiện	DM_BoNganh	Số nguyên	INT	2	Liên kết với Danh mục Các Bộ/Ngành
Đơn vị thực hiện	DONVITHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Tình hình thực hiện	NOIDUNGTHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR		Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công văn số....
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)

3.5.2.3. Tình hình thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu của các địa phương

Tên bảng dữ liệu: KQHOATDONGTHICHUNGDP

Mã đối tượng	KQHOATDONGTHICHUNGDP_ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa
--------------	-------------------------	-------------	------	--	--

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tỉnh/Thành phố thực hiện	DM_CapTinh	Chuỗi ký tự	CHAR	2	Được xác định theo danh mục đơn vị hành chính của Tổng cục Thống kê https://danhmuchiachinh.gso.gov.vn/
Đơn vị thực hiện	DONVITHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là đơn vị chủ trì thực hiện xây dựng và công bố các thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian công bố thông tin giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu
Tình hình thực hiện	NOIDUNGTHUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Các nội dung về tình hình thực hiện kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia theo Công văn số....
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (gồm các báo cáo, bản đồ, biểu đồ đính kèm)

3.6. Nhóm thông tin Bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn

3.6.1. Danh mục các chất được kiểm soát

Tên bảng dữ liệu: DANH MUCHOACHAT

Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi ký tự	CHAR	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là dãy các chữ số duy nhất ấn định cho mỗi hóa chất trong một bảng dữ liệu, được sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên chất (tiên tố và ký hiệu)	TENCHAT	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là danh sách tên các chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Tên hóa học	KYHIEUHOAHOC	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Là ký hiệu hóa học tên các chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Công thức hóa học	CONGTHUCHOAHOC	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Là ký hiệu mô tả tên hóa học của chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Số hiệu môi chất	SOHIEUMOICHATLANH	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Là ký hiệu mã hóa môi chất lạnh

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
lạnh					
Tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP)	CHISOTIEMNANGODP	Số thực	REAL	10	Các chỉ số mặc định về tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn ODP
Tiềm năng nóng lên toàn cầu (GWP)	CHISOTIEMNANGGWP	Số nguyên	INT	10	Các chỉ số mặc định về tiềm năng làm nóng lên toàn cầu GWP

3.6.2. Các chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ

Tên bảng dữ liệu: DANHMUCCHATCAM

Mã đối tượng	DANHMUCCHATCAMID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi ký tự	CHAR	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là khóa ngoại liên kết tới bảng Danh mục các chất quản lý
Mã hàng hóa (HS)	MAHS	Số nguyên	INT	10	Là mã số của loại hàng hóa có chứa chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ
Mô tả hàng hóa	MOTAHS	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ
Loại chất được kiểm soát	DM_LOAICHATKIEMSOAT	Số nguyên	INT	1	Loại chất được xác định trong bảng danh mục “Loại chất được kiểm soát”
Quy định quản lý	CHINHSACHODS	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Các nội dung quy định quản lý liên quan đến chất ODS cấm sản xuất, nhập khẩu và tiêu thụ
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

3.6.3. Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát

Tên bảng dữ liệu: DANHMUCCHATODSCOKIEMSOAT

Mã đối tượng	CHATODSKSID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
--------------	-------------	-------------	------	--	--

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi ký tự	CHAR	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là khóa ngoại liên kết tới bảng Danh mục các chất quản lý
Mã hàng hóa (HS)	MAHS	Số nguyên	INT	10	Là mã số của loại hàng hóa có chứa chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Mô tả hàng hóa	MOTAHS	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Loại chất được kiểm soát	DM_LOAICHATKIEMSOAT	Số nguyên	INT	1	Loại chất được xác định trong bảng danh mục “Loại chất được kiểm soát”
Quy định quản lý	CHINHSACHODS	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Các nội dung quy định quản lý liên quan đến chất ODS làm suy giảm tầng ô dôn cần được kiểm soát
Liên kết file					

3.6.4. Các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát

Tên bảng dữ liệu: DANHMUCCHATGHHGCOKIEMSOAT

Mã đối tượng	CHATGHHGKSID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi ký tự	CHAR	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là khóa ngoại liên kết tới bảng Danh mục các chất quản lý
Mã hàng hóa (HS)	MAHS	Số nguyên	INT	10	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất gây hiệu ứng nhà kính
Mô tả hàng hóa	MOTAHS	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là thông tin mô tả về chủng loại hàng hóa có chứa chất gây hiệu ứng nhà kính cần được kiểm soát
Loại chất được kiểm soát	DM_LOAICHATKIEMSOAT	Số nguyên	INT	1	Loại chất được xác định trong bảng danh mục “Loại chất được kiểm soát”
Quy định quản lý	CHINHSACHGHG	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Các nội dung quy định quản lý liên quan đến chất GHG gây hiệu ứng nhà kính
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

3.6.5. Các sản phẩm, thiết bị, hàng hóa có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên bảng dữ liệu: DANH MUCTBHHCHUACHATKS					
Mã đối tượng	TBHHKSID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên hàng hóa	TENTBHH	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Là tên của của sản phẩm, thiết bị, hàng hóa
Mã hàng hóa (HS)	MAHS	Số nguyên	INT	10	Là mã số của loại hàng hóa có chứa chất gây hiệu ứng nhà kính
Mô tả chi tiết hàng hóa có chứa chất được kiểm soát	MoTaHS	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là thông tin về hàng hóa và loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	CHAR	12	Mã số của loại hóa chất sử dụng trong hàng hóa, là khóa ngoại liên kết tới bảng Danh mục các chất quản lý
Loại chất được kiểm soát	DM_LOAICHATKIEMSOAT	Số nguyên	INT	1	Loại chất được xác định trong bảng danh mục “Loại chất được kiểm soát”
Quy định quản lý	CHINHSACHODS	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Nội dung quy định quản lý các thiết bị, hàng hóa, sản phẩm chứa chất cần kiểm soát
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.6.6. Thông tin về tổ chức sử dụng chất được kiểm soát					
Tên bảng dữ liệu: TOCHUCSUDUNGCHATCOKS					
Mã đối tượng	TOCHUCID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Tên Tổ chức, doanh nghiệp	TenToChucDoanhNghiep	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Là tên tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát.
Mã số doanh nghiệp	MaToChucDoanhNghiep	Số nguyên	INT	20	Là mã số đăng ký của tổ chức doanh nghiệp

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Lĩnh vực kinh doanh	DM_LoaiHinhSXKDODS	Số nguyên	INT	1	Được xác định tại Bảng Danh mục “Phân loại Tổ chức sản xuất kinh doanh chất ODS”

3.6.7. Thông tin đăng ký về việc sử dụng chất được kiểm soát của các tổ chức

Tên bảng dữ liệu: QUANLYDANGKYCHATODS

Mã đối tượng	DANGKYODSID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã Tổ chức, doanh nghiệp	TOCHUCID	Chuỗi kí tự	CHAR		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát, là khóa ngoại liên kết tới bảng Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	CHAR	12	Mã số của loại hóa chất đăng ký sử dụng, là khóa ngoại liên kết tới bảng Danh mục các chất quản lý
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Nội dung thông tin	THONGTINCONGBO	Chuỗi ký tự	CHAR		Là những thông tin về tình hình đăng ký sử dụng chất ODS của các Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

3.6.8. Thông tin sử dụng chất được kiểm soát của các tổ chức

Tên bảng dữ liệu: QUANLYSUDUNGCHATODS

Mã đối tượng	SUDUNGODSID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Mã Tổ chức, doanh nghiệp	TOCHUCID	Chuỗi kí tự	CHAR		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát, là khóa ngoại liên kết tới bảng Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Mã hóa chất (CAS)	CASID	Chuỗi kí tự	CHAR	12	Mã số của loại hóa chất đăng ký sử dụng, là khóa ngoại liên kết tới bảng Danh mục các chất quản lý

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thời gian nộp báo cáo	THOIGIANHOP	Số nguyên	INT	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Nội dung thông tin	THONGTINCONGBO	Chuỗi ký tự	CHAR		Là những thông tin về tình hình sử dụng chất ODS của các tổ chức, doanh nghiệp
Tình trạng báo cáo	TINHTRANGBAO CAO	Chuỗi ký tự	CHAR		Là những thông tin về thời hạn nộp báo cáo
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

3.6.9 Thông tin phân bổ hạn ngạch các chất được kiểm soát

3.6.9.1. Danh sách phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát

Tên bảng dữ liệu: HANNGACHNKODS

Mã đối tượng	NHAPKHAUODSID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Tổ chức thực hiện	TOCHUCPHANBO	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Là tên đơn vị thực hiện xây dựng và công bố báo cáo phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mã Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ hạn ngạch	TOCHUCID	Chuỗi ký tự	CHAR		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát được phân bổ hạn ngạch, là khóa ngoại liên kết tới bảng Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Thông tin về hạn ngạch phân bổ nhập khẩu cho doanh nghiệp	HANNGACHNK	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là các thông tin liên quan đến hạn ngạch được phân bổ cho Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

3.6.9.2. Danh sách phân bổ hạn ngạch sản xuất các chất được kiểm soát

Tên bảng dữ liệu: HANNGACHSXODS

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	SANXUATODSID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Tổ chức thực hiện	TOCHUCPHANBO	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Là tên đơn vị thực hiện xây dựng và công bố báo cáo phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mã Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ hạn ngạch	TOCHUCID	Chuỗi ký tự	CHAR		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát được phân bổ hạn ngạch, là khóa ngoại liên kết tới bảng Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Thông tin về hạn ngạch phân bổ nhập khẩu cho doanh nghiệp	HANNGACHSX	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là các thông tin liên quan đến hạn ngạch được phân bổ cho Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

3.6.9.3. Thông tin điều chỉnh phân bổ hạn ngạch sản xuất các chất được kiểm soát

Tên bảng dữ liệu: DCHANNGACHSXODS

Mã đối tượng	DCSXODSID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm công bố	NAMCONGBO	Số nguyên	INT	4	Là thời gian thực hiện công bố báo cáo
Tổ chức thực hiện	TOCHUCPHANBO	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Là tên đơn vị thực hiện xây dựng và công bố báo cáo điều chỉnh phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát
Mã Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ hạn ngạch	TOCHUCID	Chuỗi ký tự	CHAR		Mã số của Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát được phân bổ hạn ngạch, là khóa ngoại liên kết tới bảng Thông tin tổ chức sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thông tin về hạn ngạch phân bổ nhập khẩu cho doanh nghiệp	HANNGACHDIEUCHINH	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Là các thông tin liên quan đến hạn ngạch được phân bổ điều chỉnh cho Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chất được kiểm soát
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.6.10. Báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal					
Tên bảng dữ liệu: BCQG_NGHIDINHTHUMONTREAL					
Mã đối tượng	BCQGMONTREALID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	NAMBAOCAO	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo
Tổ chức báo cáo	TOCHUCBAOCAO	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Tên tổ chức báo cáo
Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (các chất HCFC và Methyl bromide) qua các năm (tấn ODP)	TONGTIEUTHUQGCHATODP	Số thực	REAL		Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (các chất HCFC và Methyl bromide) qua các năm (tấn ODP)
Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HFC qua các năm (tấn CO2 tương đương).	TONGTIEUTHUQGCHATHFC	Số thực	REAL		Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HFC qua các năm (tấn CO2 tương đương).
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc (là file đính kèm Báo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal hàng năm)
3.7. Nhóm thông tin Nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn					
3.7.1. Kết quả nguồn lực đầu tư và quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư cho thích ứng biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: NLDAUTUUNGPHOBDKH					
Mã đối tượng	NGUONLUCID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	NAMBAOCAO	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo
Cấp đầu tư	CAPDAUTU	Chuỗi ký tự	CHAR	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Nguồn lực đầu tư	NGUONDAUTU	Chuỗi ký tự	CHAR	1	1: Ngân sách nhà nước 2: Vốn hỗ trợ quốc tế (ODA vốn vay và không hoàn lại) 3: Vốn từ khu vực tư nhân
Hạng mục	HANGMUC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên Hạng mục đầu tư cho thích ứng biến đổi khí hậu
Kinh phí (tr. đồng)	KINHPHI	Số thực	REAL	10	Kinh phí đầu tư của hạng mục, tính bằng triệu đồng
Tỷ lệ so với tổng kinh phí (%)	TYLEDAUTU	Số thực	REAL	5	Tỷ lệ so với tổng kinh phí, tính theo %
Tỷ lệ giải ngân (%)	TYLEGIANGAN	Số thực	REAL	5	Tỷ lệ giải ngân so với kinh phí đã phê duyệt, tính theo %
3.7.2. Kết quả đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: NLDAOTAOUNGPHOBDKH					
Mã đối tượng	KQDAOTAOID	Chuỗi kí tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	NAMBAOCAO	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Cấp thực hiện	CAPDAUTU	Chuỗi ký tự	CHAR	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Số lượng công chức, viên chức, người lao động được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	SONGUOI	Số nguyên	INT	10	Số lượng công chức, viên chức, người lao động được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu
Số lượng cơ sở giáo dục, đào tạo giảng dạy về biến đổi khí hậu	SOCOSODAOTAO	Số nguyên	INT	10	Số lượng cơ sở giáo dục, đào tạo giảng dạy về biến đổi khí hậu
3.7.3. Kết quả hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: NLTUYENTRUYENBDKH					
Mã đối tượng	KQTUYENTRUYENID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	NAMBAOCAO	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo
Cấp thực hiện	CAPDAUTU	Chuỗi ký tự	CHAR	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Tên chương trình, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức thích ứng với biến đổi khí hậu	TENCHUONGTRINH	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên chương trình, hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức thích ứng với biến đổi khí hậu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Địa điểm thực hiện	DIADIEM	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm thực hiện
Tỷ lệ người dân tham gia so với tổng dân số (%)	TYLETHAMGIA	Số thực	REAL	10	Tỷ lệ người dân tham gia so với tổng dân số (%)

3.7.4. Danh mục chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu

Tên bảng dữ liệu: DMLONGGHEPBDKH

Mã đối tượng	DMLONGGHEPBDKHID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	NAMBAOCAO	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo
Cấp xây dựng	CAPXD	Số nguyên	INT	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương
Tên	TENVB	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu
Tên đơn vị xây dựng	TENDONVI	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên đơn vị xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch
Nội dung lồng ghép	NDLONGGHEP	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung biến đổi khí hậu được lồng ghép
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

3.7.5. Tổ chức và nhân lực ứng phó với biến đổi khí hậu

Tên bảng dữ liệu: TOCHUCBOMAY

Mã đối tượng	TOCHUCBOMAYID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	NAMBAOCAO	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo
Cấp báo cáo	CAPBC	Số nguyên	INT	1	1: Bộ/Ngành 2: Địa phương

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tên đơn vị báo cáo	DONVIBC	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên đơn vị báo cáo
Tên cơ quan, đơn vị chuyên môn	TENCQTC	Chuỗi ký tự	CHAR	100	Tên cơ quan, đơn vị chuyên môn liên quan ứng phó với biến đổi khí hậu
Số lượng công chức, viên chức (Người)	SONGUOI	Số nguyên	INT	10	Số lượng công chức, viên chức, người lao động làm việc trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.8. Nhóm thông tin Hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn					
3.8.1. Danh mục các điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu ký kết và thực hiện					
Tên bảng dữ liệu: DIEUUOCQUOCTE					
Mã đối tượng	DIEUUOCQUOCTEID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	NAMBAOCAO	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo
Tên điều ước, thỏa thuận	TENVB	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên điều ước, thỏa thuận
Thời gian có hiệu lực	TGHIEULUC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Thời gian có hiệu lực
Cơ quan, tổ chức tham gia	BENTHAMGIA	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Cơ quan, tổ chức tham gia
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc
3.8.2. Kết quả thu hút, vận động hỗ trợ cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: KQHOTROQUOCTE					
Mã đối tượng	HOTROQUOCTEID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Năm báo cáo	NAMBAOCAO	Số nguyên	INT	4	Năm báo cáo
Tên chương trình, dự án	TENDUAN	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên chương trình, dự án
Thời gian thực hiện	THOIGIAN THUCHIEN	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Thời gian thực hiện
Địa điểm thực hiện	DIADIEM	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa điểm thực hiện
Kinh phí dự kiến (tr. đồng)	KINHPHIDUKIEN	Số thực	REAL	10	Kinh phí dự kiến (tr. đồng)
Liên kết file					Liên kết đến dữ liệu phi cấu trúc

3.9. Nhóm thông tin Kịch bản biến đổi khí hậu

3.9.1. Biến đổi của nhiệt độ trung bình năm trong quá khứ

3.9.1.1. Biến đổi của nhiệt độ trung bình năm theo tỉnh

Tên bảng dữ liệu: NHIETDOTRUNGBINHNAMTINH

Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ trung bình	NHIETDOTBNAM	Số thực	REAL		Nhiệt độ trung bình

3.9.1.2 Biến đổi của nhiệt độ trung bình năm theo vùng

Tên bảng dữ liệu: NHIETDOTRUNGBINHNAMEVUNG

Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ trung bình	NHIETDOTB	Số thực	REAL		Nhiệt độ trung bình

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
3.9.1.3 Báo cáo thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BAOCAONHIETDOTB					
Năm đầu	NAMDAU	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm đầu
Năm cuối	NAMCUOI	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm cuối
Bảng thay đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
Biểu đồ thay đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
Bản đồ thay đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
File báo cáo thay đổi nhiệt độ trung bình	URL	Chuỗi ký tự	CHAR		Đường dẫn đến tệp tin liên quan
3.9.2.1 Tên bảng dữ liệu: NHIETDOCAONHATNAMTINH					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ cao nhất	NHIETDOMAX	Số thực	REAL		Nhiệt độ cao nhất
3.9.2.2 Biến đổi của nhiệt độ cao nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: NHIETDOCAONHATNAMVUNG					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Nhiệt độ cao nhất	NHIETDOMAX	Số thực	REAL		Nhiệt độ thấp nhất
3.9.2.3 Báo cáo thay đổi nhiệt độ cao nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BAOCAONHIETDOMAXVUNG					
Năm đầu	NAMDAU	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm đầu
Năm cuối	NAMCUOI	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm cuối
Bảng thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Bảng thay đổi nhiệt độ cao nhất
Biểu đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất
Bản đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất
File báo cáo thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi nhiệt độ cao nhất
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.9.3.1 Biến đổi của nhiệt độ thấp nhất năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: NHIETDOTHAPNHATNAMTINH					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ cao nhất	NHIETDOMIN	Số thực	REAL		Nhiệt độ thấp nhất
3.9.3.2 Biến đổi của nhiệt độ thấp nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: NHIETDOTHAPNHATNAMVUNG					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Nhiệt độ cao nhất	NHIETDOMIN	Số thực	REAL		Nhiệt độ thấp nhất

3.9.3.3 Báo cáo thay đổi nhiệt độ thấp nhất năm theo vùng

Tên bảng dữ liệu: BAOCAONHIETDOMIMVUNG

Năm đầu	NAMDAU	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm đầu
Năm cuối	NAMCUOI	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm cuối
Bảng thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Bảng thay đổi nhiệt độ cao nhất
Biểu đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất
Bản đồ thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi nhiệt độ thấp nhất
File báo cáo thay đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi nhiệt độ cao nhất
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính

3.9.4.1 Số ngày nắng nóng năm theo tỉnh

Tên bảng dữ liệu: SONGAYNANGNONGTINH

Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số ngày nắng nóng	SONGAYNONG	Số nguyên	INT		Số ngày nắng nóng

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
3.9.4.2 Số ngày nắng nóng năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: SONGAYNANGNONGVUNG					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số ngày nắng nóng	SONGAYNONG	Số nguyên	INT		Số ngày nắng nóng
3.9.4.3 Báo cáo Số ngày nắng nóng năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BAOCAONANGNONGVUNG					
Năm đầu	NAMDAU	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm đầu
Năm cuối	NAMCUOI	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm cuối
Bảng thay đổi Số ngày nắng nóng	URL				Đường dẫn đến Bảng thay đổi Số ngày nắng nóng
Biểu đồ thay đổi Số ngày nắng nóng	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi Số ngày nắng nóng
Bản đồ thay đổi Số ngày nắng nóng	URL				Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi Số ngày nắng nóng
File báo cáo thay đổi Số ngày nắng nóng	URL				Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi Số ngày nắng nóng
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.9.5.1 Số ngày rét đậm, rét hại năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: SONGAYRETDAMRETHAITINH					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Số ngày rét đậm, rét hại	SONGAYRET	Số nguyên	INT		Số ngày rét đậm, rét hại
3.9.5.2 Số ngày rét đậm, rét hại năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: SONGAYRETD AMRETHAVU NG					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số ngày rét đậm, rét hại	SONGAYRET	Số nguyên	INT		Số ngày rét đậm, rét hại
3.9.5.3 Báo cáo rét đậm, rét hại năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BAOCao SONGAYRETDAMRETHAVUNG					
Năm đầu	NAMDAU	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm đầu
Năm cuối	NAMCUOI	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm cuối
Bảng thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại	URL				Đường dẫn đến Bảng thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại
Biểu đồ thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại
Bản đồ thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại	URL				Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại
File báo cáo thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại	URL				Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi Số ngày rét đậm, rét hại

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.9.6.1 Biến đổi lượng mưa năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: LUONGMUANAMTINH					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Lượng mưa	LUONGMUA	Số thực	REAL		Lượng mưa
3.9.6.2 Biến đổi lượng mưa năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: LUONGMUANAMVUNG					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Lượng mưa	LUONGMUA	Số thực	REAL		Lượng mưa
3.9.6.3 Báo cáo biến đổi lượng mưa năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BAOCAOLUONGMUANAMVUNG					
Năm đầu	NAMDAU	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm đầu
Năm cuối	NAMCUOI	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm cuối
Bảng thay đổi lượng mưa	URL				Đường dẫn đến Bảng thay đổi lượng mưa
Biểu đồ thay đổi lượng mưa	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi lượng mưa
Bản đồ thay đổi lượng mưa	URL				Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi lượng mưa
File báo cáo thay đổi lượng mưa	URL				Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi lượng mưa
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
3.9.7.1 Biến đổi lượng mưa cao nhất năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: LUONGMUAMAXNAMTINH					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Mùa	MUA		Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Lượng mưa	LUONGMUA	Số thực	REAL		Lượng mưa cao nhất
3.9.7.2 Biến đổi lượng mưa cao nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: LUONGMUAMAXNAMVUNG					
Mã vùng	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR	50	Mùa (chọn trong danh mục MUA)
Lượng mưa	LUONGMUA	Số thực	REAL		Lượng mưa cao nhất
3.9.7.3 Báo cáo biến đổi lượng mưa cao nhất năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BAOCALUONGMUAMAXNAMVUNG					
Năm đầu	NAMDAU	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm đầu
Năm cuối	NAMCUOI	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm cuối
Bảng thay đổi lượng mưa lớn nhất	URL				Đường dẫn đến Bảng thay đổi lượng mưa lớn nhất
Biểu đồ thay đổi lượng mưa lớn nhất	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi lượng mưa lớn nhất
Bản đồ thay đổi lượng mưa lớn nhất	URL				Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi lượng mưa lớn nhất
File báo cáo thay đổi lượng	URL				Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi lượng mưa lớn nhất

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
mưa lớn nhất					
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
3.9.8.1 Số lượng cơn bão và áp thấp nhiệt đới trong năm theo tỉnh					
Tên bảng dữ liệu: SOLUONGBAOTINH					
Mã tỉnh	MATINH	Số nguyên	INT		Mã tỉnh
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số lượng bão	SOLUONGBAO	Số nguyên	INT		Số lượng bão
Số lượng áp thấp nhiệt đới	SOLUONGAPTHAP	Số nguyên	INT		Số lượng áp thấp nhiệt đới
3.9.8.2 Số lượng cơn bão và áp thấp nhiệt đới trong năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: SOLUONGBAOVUNG					
Mã tỉnh	MAVUNG	Số nguyên	INT		Mã vùng
Năm	NAM	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm
Số lượng bão	SOLUONGBAO	Số nguyên	INT		Số lượng bão
Số lượng áp thấp nhiệt đới	SOLUONGAPTHAP	Số nguyên	INT		Số lượng áp thấp nhiệt đới
3.9.8.3 Báo cáo số lượng bão, áp thấp nhiệt đới trong năm theo vùng					
Tên bảng dữ liệu: BAOCALUONGMUAMAXNAMVUNG					
Năm đầu	NAMDAU	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm đầu
Năm cuối	NAMCUOI	Chuỗi ký tự	CHAR	4	Năm cuối
Bảng thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới	URL				Đường dẫn đến Bảng thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới
Biểu đồ thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới
Bản đồ thay đổi	URL				Đường dẫn đến Bản đồ thay đổi Số lượng bão và áp thấp

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới					nhiệt đới
File báo cáo thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới	URL				Đường dẫn đến File báo cáo thay đổi Số lượng bão và áp thấp nhiệt đới
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính

3.9.9.1 Loại trạm Hải Văn

Tên bảng dữ liệu: TRAMHAIVAN

Mã trạm	MATINH	Số nguyên	INT		Mã trạm
Tên trạm		Chuỗi ký tự	CHAR	255	Tên trạm
Địa chỉ		Chuỗi ký tự	CHAR	255	Địa chỉ

3.9.9.2 Đánh giá xu thế biến đổi của mực nước biển

Tên bảng dữ liệu: DANHGIAXUTHEBIENDOIMUCNUOCBIEN

Mã trạm	MATRAM	Số nguyên	INT	4	Mã trạm hải văn
Thời gian quan trắc	THOIGIANQUANTRAC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Thời gian quan trắc
Xu thế biến đổi	XUTHEBIENDOI	Số thực	REAL		Xu thế biến đổi
Chỉ số kiểm nghiệm	CHISOKIEMNGHIEM	Số thực	REAL		Chỉ số kiểm nghiệm
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Giai đoạn đánh giá
Bảng xu thế biến đổi mực nước biển	URL				Bảng xu thế biến đổi mực nước biển
Biểu đồ xu thế biến đổi mực	URL				Biểu đồ xu thế biến đổi mực nước biển

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
nước biển					
Bản đồ xu thế biến đổi mực nước biển	URL				Bản đồ xu thế biến đổi mực nước biển
File báo cáo xu thế biến đổi mực nước biển	URL				File báo cáo xu thế biến đổi mực nước biển
					Bản đồ phân bố kèm thuộc tính
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Giai đoạn đánh giá
Bảng xu thế biến đổi mực nước biển	URL				Bảng xu thế biến đổi mực nước biển
3.9.10 Đánh giá xu thế biến đổi của sóng biển					
Tên bảng dữ liệu: DANHGIAXUTHEBIENDOISONGBIEN					
Mã trạm	MATRAM	Số nguyên	INT	4	Mã trạm hải văn
Thời gian quan trắc	THOIGIANQUANTRAC	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Thời gian quan trắc
Xu thế biến đổi	XUTHEBIENDOI	Số thực	REAL		Xu thế biến đổi
Chỉ số kiểm nghiệm	CHISOKIEMNGHIEM	Số thực	REAL		Chỉ số kiểm nghiệm
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá
Giai đoạn đánh giá	GIAIDOAN	Chuỗi ký tự	CHAR	255	Giai đoạn đánh giá
Bảng xu thế biến đổi độ cao sóng biển	URL				Bảng xu thế biến đổi độ cao sóng biển

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Biểu đồ xu thế biến đổi độ cao sóng biển	URL				Biểu đồ xu thế biến đổi độ cao sóng biển
Bản đồ xu thế biến đổi độ cao sóng biển	URL				Bản đồ xu thế biến đổi độ cao sóng biển
File báo cáo xu thế biến đổi độ cao sóng biển	URL				File báo cáo xu thế biến đổi độ cao sóng biển
					Các hoạt động tác nghiệp: Tra cứu thay đổi của các thông số khí hậu theo kịch bản RCP2.6; RCP4.5; RCP8.5 (tương ứng với thấp, trung bình, cao)
3.9.11 Kịch bản biến đổi nhiệt độ trung bình năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOINHIEDONAM					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi nhiệt độ trung bình	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi nhiệt độ trung bình	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Bản đồ biến đổi nhiệt độ trung bình	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
bình					
File báo cáo biến đổi nhiệt độ trung bình	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
3.9.12 Kịch bản biến đổi nhiệt độ cao nhất năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOINHIEITDOMAXNAM					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Bản đồ biến đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
File báo cáo biến đổi nhiệt độ cao nhất	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
3.9.13 Kịch bản biến đổi nhiệt độ thấp nhất năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOINHIEITDOMINNAM					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi nhiệt độ thấp nhất	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi nhiệt độ thấp nhất	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
Bản đồ biến đổi nhiệt độ thấp nhất	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
File báo cáo biến đổi nhiệt độ thấp nhất	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến đổi nhiệt độ trung bình theo kịch bản
3.9.14 Kịch bản biến đổi số ngày rét đậm năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOISONGAYRETDAMNAM					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số ngày rét đậm	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi số ngày rét đậm theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số ngày rét đậm	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số ngày rét đậm theo kịch bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Bản đồ biến đổi số ngày rét đậm	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số ngày rét đậm theo kịch bản
File báo cáo biến đổi số ngày rét đậm	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến số ngày rét đậm theo kịch bản

3.9.15 Kịch bản biến đổi số ngày rét đậm năm

Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOISONGAYRETHAINAM

Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số ngày rét hai	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi số ngày rét hai theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số ngày rét hai	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số ngày rét hai theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày rét hai	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số ngày rét hai theo kịch bản
File báo cáo biến đổi số ngày rét hai	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến số ngày rét hai theo kịch bản

3.9.16 Kịch bản biến đổi số ngày nắng nóng năm

Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOISONGAYNANGNONGNAM

Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANH GIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số ngày nắng nóng	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi số ngày nắng nóng theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số ngày nắng nóng	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số ngày nắng nóng theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày nắng nóng	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số ngày nắng nóng theo kịch bản
File báo cáo biến đổi số ngày nắng nóng	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến số ngày nắng nóng theo kịch bản
3.9.17 Kịch bản biến đổi số ngày hạn hán năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOISONGAYHANHANAM					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANH GIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANH GIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số ngày hạn hán	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi số ngày hạn hán g theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số ngày hạn hán	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số ngày hạn hán theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày hạn hán	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số ngày hạn hán theo kịch bản
File báo cáo	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến số ngày hạn hán theo

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
biến đổi số ngày hạn hán					kịch bản
3.9.18 Kịch bản biến đổi số lượng mưa trung bình					
Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOISONGAYLUONGMUATRUNGBINH					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi lượng mưa	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi lượng mưa theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi lượng mưa	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi lượng mưa theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số ngày lượng mưa	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi lượng mưa theo kịch bản
File báo cáo biến đổi lượng mưa	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến lượng mưa theo kịch bản
3.9.19 Kịch bản biến đổi số lượng mưa cao nhất năm					
Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOISONGAYLUONGMUAMAXNAM					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Mùa	MUA	Chuỗi ký tự	CHAR		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Bảng biến đổi lượng mưa cao nhất	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi lượng mưa cao nhất theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi lượng mưa cao nhất	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi lượng mưa cao nhất theo kịch bản
Bản đồ biến đổi lượng mưa cao nhất	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi lượng mưa cao nhất theo kịch bản
File báo cáo biến đổi lượng mưa cao nhất	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến lượng mưa cao nhất theo kịch bản
3.9.20 Kịch bản biến đổi số cơn bão, áp thấp nhiệt đới					
Tên bảng dữ liệu: KBBIENDOISONGAYBAOAPTHAP					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới theo kịch bản
Bản đồ biến đổi số lượng cơn	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới theo kịch bản

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
bão, áp thấp nhiệt đới					
File báo cáo số lượng cơn bão, áp thấp nhiệt đới	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến lượng mưa cao nhất theo kịch bản
3.9.21 Kịch bản độ cao sóng biển					
Tên bảng dữ liệu: KBDOCAOSONGBIEN					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá
Bảng biến đổi độ cao sóng biển	URL				Đường dẫn đến Bảng biến đổi độ cao sóng biển theo kịch bản
Biểu đồ biến đổi độ cao sóng biển	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ biến đổi biến đổi độ cao sóng biển theo kịch bản
Bản đồ biến đổi độ cao sóng biển	URL				Đường dẫn đến Bản đồ biến đổi độ cao sóng biển theo kịch bản
File báo cáo biến đổi độ cao sóng biển	URL				Đường dẫn đến File báo cáo biến đổi độ cao sóng biển theo kịch bản
3.9.22 Kịch bản nước biển dâng					
Tên bảng dữ liệu: KBNUOCBIENDANG					
Năm công bố kịch bản	NAM	Số thực	REAL		
Thời kỳ đánh giá	THOIKYDANHGIA	Số thực	REAL		
Thời kỳ cơ sở	THOIKYCOSO	Số thực	REAL		
Đánh giá	DANHGIA	Chuỗi ký tự	CHAR		Nội dung đánh giá

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Bảng mực nước biển dâng	URL				Đường dẫn đến Bảng mực nước biển dâng theo kịch bản
Biểu đồ mực nước biển dâng	URL				Đường dẫn đến Biểu đồ mực nước biển dâng theo kịch bản
Bản đồ mực nước biển dâng	URL				Đường dẫn đến Bản đồ mực nước biển dâng i theo kịch bản
File báo cáo mực nước biển dâng	URL				Đường dẫn đến File báo cáo mực nước biển dâng theo kịch bản

4. Cấu trúc thông tin của siêu dữ liệu biến đổi khí hậu

4.1. Nhóm thông tin chung về siêu dữ liệu biến đổi khí hậu

a) Dữ liệu chung về siêu dữ liệu biến đổi khí hậu

Tên bảng dữ liệu: MD_SIEUDULIEU

Mã đối tượng	SIEUDULIEUID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Loại cấp độ siêu dữ liệu	LOAICAPDOSDL	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mã hoặc giá trị trong bảng danh mục về siêu dữ liệu
Loại dữ liệu	LOAIDULIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mã hoặc giá trị trong bảng danh mục về siêu dữ liệu
Loại siêu dữ liệu	LOAISIEUDULIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mã hoặc giá trị trong danh mục về siêu dữ liệu
Ngôn ngữ	NGONNGU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong thông tin mô tả của siêu dữ liệu
Phạm vi	PHAMVI	Chuỗi ký tự	CHAR		Là phạm vi dữ liệu BĐKH mà siêu dữ liệu mô tả
Phiên bản	PHIENBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là phiên bản của chuẩn siêu dữ liệu được áp dụng để lập siêu dữ liệu
Siêu dữ liệu gốc	SIEUDULIEUIDGOC	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mã nhận dạng duy nhất được gán cho mỗi tài liệu siêu

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
					dữ liệu
Tên chuẩn	TENCHUAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên đầy đủ của chuẩn siêu dữ liệu được áp dụng để lập siêu dữ liệu
Thời gian lập	THOIGIANLAP	Ngày, tháng	Date		Là ngày lập siêu dữ liệu(dd/mm/yyyy)
b) Dữ liệu về đơn vị					
Tên bảng dữ liệu: MD_DONVI					
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chức vụ	CHUCVU	Chuỗi ký tự	CHAR		Chức vụ của người đại diện cho cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu BDKH.
Địa chỉ liên hệ	DIACHILIENHE	Chuỗi ký tự	CHAR		Là địa chỉ liên hệ của đơn vị
Điện thoại	DIENTHOAI	Chuỗi ký tự	CHAR		Là số điện thoại liên hệ của đơn vị
Chỉ dẫn liên hệ	CHIDANLIENHE	Chuỗi ký tự	CHAR		Các chỉ dẫn bổ sung nhằm giúp cho người có nhu cầu có thể liên hệ với các cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu BDKH.
Email	EMAIL	Chuỗi ký tự	CHAR		Địa chỉ thư điện tử
Loại đơn vị	LOAIDONVI	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mã hoặc giá trị trong bảng danh mục về siêu dữ liệu
Mô tả	MOTA	Chuỗi ký tự	CHAR		Vai trò của cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu BDKH.
Người đại diện	NGUOIDAIDIEN	Chuỗi ký tự	CHAR		Tên của người đại diện cho cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu BDKH
Số giấy phép	SOGIAYPHEP	Chuỗi ký tự	CHAR		Số giấy phép kinh doanh của đơn vị
Tên đơn vị	TENDONVI	Chuỗi ký tự	CHAR		Tên của cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu BDKH
Thông tin liên hệ	THONGTINLIENHE	Chuỗi ký tự	CHAR		Địa chỉ chi tiết trang web, địa chỉ nơi đặt trụ sở của cơ quan, tổ chức có liên quan đến dữ liệu BDKH
4.2. Nhóm thông tin mô tả hệ quy chiếu tọa độ					
Tên bảng dữ liệu: MD_HETOADO					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	MADOITUONGID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Kinh tuyến trục	KINHTUYENTRUC	Chuỗi ký tự	CHAR		Là kinh tuyến trục được áp dụng để xây dựng dữ liệu BDKH
Mũi chiếu	MUICHIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mũi chiếu được áp dụng để xây dựng dữ liệu BDKH
Tên hệ quy chiếu	TENHEQUYCHIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Tên đầy đủ của Hệ quy chiếu tọa độ.
Ngày ban hành	NGAYBANHANH	Ngày, tháng	Date		Ngày ban hành áp dụng hệ quy chiếu tọa độ
4.3. Nhóm thông tin mô tả dữ liệu biến đổi khí hậu					
a) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu thuộc tính biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: MD_THUOCTINH					
Mã đối tượng	MADOITUONGID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Định dạng dữ liệu	DINHANGDULIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tên định dạng của loại dữ liệu được miêu tả
Mô tả	MOTA	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mô tả bổ sung của tài liệu
Nguồn gốc dữ liệu	NGUONGOCDULIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là nguồn gốc để xây dựng dữ liệu
Mã siêu dữ liệu	SIEUDULIEUID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Số lượng đối tượng	SOLUONGDOITUONG	Số nguyên	INT		Là số lượng đối tượng được xây dựng siêu dữ liệu
Thời điểm hình thành	THOIDIEMHINHTHANH	Ngày, tháng	Date		Là thời điểm xây dựng dữ liệu (dd/mm/yyyy)
b) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu không gian biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: MD_KHONGGIAN					

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Mã đối tượng	MADOITUONGID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Định dạng dữ liệu	DINHANGDULIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là định dạng dữ liệu được mô tả
Mã Hệ quy chiếu	HEQUYCHIEUID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu hệ quy chiếu
Kiểu dữ liệu không gian	KIEUDULIEUKHONGGIAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Là kiểu dữ liệu không gian dạng điểm, đường hoặc vùng
Mô tả	MOTA	Chuỗi ký tự	CHAR		Là thông tin mô tả bổ sung cho dữ liệu không gian
Nguồn gốc dữ liệu	NGUONGOCDULIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là nguồn gốc của dữ liệu được mô tả
Phương pháp đo đạc	PHUONGPHAPDO	Chuỗi ký tự	CHAR		Là phương pháp đo đạc cho dữ liệu được mô tả
Mã siêu dữ liệu	SIEUDULIEUID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Số lượng đối tượng	SOLUONGDOITUONG	Số nguyên	INT		Là số lượng đối tượng được mô tả
Thời điểm hình thành	THOIDIEMHINHTHANH	Ngày, tháng	Date		Là thời điểm hình thành dữ liệu(dd/mm/yyyy)
Tọa độ giới hạn X max	TOADOGIOIHANXMAX	Số thực	REAL		Là giới hạn tọa độ theo trục không gian X
Tọa độ giới hạn X min	TOADOGIOIHANXMIN	Số thực	REAL		Là giới hạn tọa độ theo trục không gian X
Tọa độ giới hạn Y max	TOADOGIOIHANYMAX	Số thực	REAL		Là giới hạn tọa độ theo trục không gian Y
Tọa độ giới hạn Y min	TOADOGIOIHANYMIN	Số thực	REAL		Là giới hạn tọa độ theo trục không gian Y

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
Tỷ lệ bản đồ	TYLEBANDO	Chuỗi ký tự	CHAR		Là tỷ lệ bản đồ được xây dựng dữ liệu
c) Nhóm thông tin mô tả về dữ liệu phi cấu trúc biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: MD_PHICAUTRUC					
Mã đối tượng	ID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Định dạng dữ liệu	DINHANGDULIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là định dạng dữ liệu (ví dụ: PDF, TIF, DOC..)
Mô tả	MOTA	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mô tả bổ sung cho tài liệu
Nguồn gốc dữ liệu	NGUONGOCDULIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Là nguồn gốc để xây dựng dữ liệu
Mã siêu dữ liệu	SIEUDULIEUID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Số lượng đối tượng	SOLUONGDOITUONG	Số nguyên	INT		Là số lượng đối tượng được mô tả
Thời điểm hình thành	THOIDIEMHINHTHANH	Ngày, tháng	Date		Là thời điểm hình thành dữ liệu (dd/mm/yyyy)
Mức độ đầy đủ thông tin	MUADODAYDUTT	Chuỗi ký tự	CHAR		Đánh giá chất lượng dữ liệu theo mức độ đầy đủ của thông tin
Phương pháp đánh giá chất lượng	PHUONGPHAPDGCL	Chuỗi ký tự	CHAR		Là Loại phương pháp được sử dụng để đánh giá một chỉ tiêu chất lượng nhất định, ví dụ: theo phương pháp đánh giá mức độ đầy đủ thông tin
Mã siêu dữ liệu	SIEUDULIEUID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Số lượng đánh giá	SOLUONGDANH GIA	Số nguyên	INT		Số lượng được đánh giá
Thời điểm đánh giá	THOIDIEMDANH GIA	Ngày, tháng	Date		Là thời điểm đánh giá dữ liệu(dd/mm/yyyy)

Trường thông tin		Kiểu dữ liệu		Độ dài trường	Mô tả
Tên trường thông tin	Ký hiệu trường thông tin	Tiếng Việt	Tiếng Anh		
4.4. Nhóm thông tin mô tả phương thức chia sẻ dữ liệu biến đổi khí hậu					
Tên bảng dữ liệu: MD_PHUONGTHUCCHIASE					
Mã đối tượng	MADOITUONGID		CHAR		Là dãy ký tự xác định duy nhất đối tượng trong một bảng dữ liệu, được khởi tạo tự động và sử dụng làm khóa chính trong mô hình dữ liệu quan hệ
Chi tiết phân phối	CHITIETPHANPHOI		CHAR		Địa chỉ liên kết trực tuyến hoặc phi trực tuyến
Định dạng phân phối	DINHANGPHANPHOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Định dạng file phân phối, trao đổi
Ghi chú	GHICHU	Chuỗi ký tự	CHAR		bổ sung về đường liên kết trực tuyến hoặc Các ghi chú bổ sung về phương pháp lưu trữ (nếu có)
Hình thức phân phối	HINHTHUCPHANPHOI	Chuỗi ký tự	CHAR		Cách thức phân phối trực tuyến hoặc phi trực tuyến
Loại dữ liệu	LOAIDULIEUID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là mã hoặc giá trị của trong bảng danh mục loại dữ liệu
Phiên bản	PHIENBAN	Chuỗi ký tự	CHAR		Loại phiên bản định dạng lưu trữ dữ liệu BDKH
Mã siêu dữ liệu	SIEUDULIEUID	Chuỗi ký tự	CHAR		Là khóa ngoại liên kết đến dữ liệu thông tin chung về siêu dữ liệu
Tên tài liệu	TENTAILIEU	Chuỗi ký tự	CHAR		Tên tài liệu chia sẻ